

THƯ McPHER- SON



Đỗ Trung

Kính gửi anh Hai, anh Ba, anh Tư, anh Năm, các cha, các anh chị xa gần của gia đình Khai Phá.

Trung Mai chẳng biết phải nói thế nào, phải diễn tả làm sao cho hết nỗi lòng của mình đối với gia đình Khai Phá, chỉ muốn nói lên tự đáy lòng của mình lời cảm ơn sâu thẳm nhất đối với anh em mình.

Kính anh em, chuyện là thế này.

Khi mình đi check up răng theo thời kỳ ba tháng một lần, lần này bác sĩ khám phá trong miệng có 2 vết lở lớn. Ông ta chụp hình, gọi y tá chính tới hỏi và cùng xem. Sau một lúc bàn soạn, ông nói: ‘Trung, I have bad news.’. Mình hỏi: ‘What’s bad news doc?’. ‘Look like you have throat cancer, but I need to check with other doctor to make sure about that.’

Mình nhìn ông không nói gì. Rồi ông hỏi mình: ‘Are you scared?, Trung’. Mình không trả lời rồi lắc đầu.

Tự nhiên lúc đó mình nghĩ tới thằng Lộc, bạn thân của mình: ‘Hay là Lộc nó muốn mình đi theo nó cho có bạn đây’. Sau đó mình về nhà và giữ kín mọi sự, không cho ai biết, kể cả bà xã và gia đình bên Việt Nam. Mình nghĩ truyện gì phải tới thì sẽ tới vì Chúa đã sắp đặt rồi, dù mình có muốn đổi cũng không được, như thế là đã interfere God’s work. Thế rồi mình làm hẹn đi khám bác sĩ gia đình. Ông ta cũng không chắc lắm nên lại liên lạc với bác sĩ khác để làm test cho chắc.

Mình về nhà đợi chờ kết quả.

Ba tuần sau, nurse gọi mình làm hẹn. Bà xã biết được. Sợ quá bèn gọi gia đình ở Việt Nam để báo tin, xin cầu nguyện, rồi gọi cho anh Ry thông báo để xin Gia Đình Khai Phá cầu nguyện.

Ba đêm liền, bà xã mình không ngủ, chỉ chớp mắt một tí thôi. Rồi xin nghỉ làm để lo cho mình. Mình có nói với bà xã: ‘Đừng lo gì hết. Có lo cũng thế thôi. Chuyện đến sẽ đến. Biết đâu mọi sự sẽ ok. Cứ tin tưởng nơi Chúa Quan Phòng.’

Nhưng tính của bà xã mình hay lo lắng, không chịu ngồi yên. Bà ấy không cho mình lái xe, đích thân chở mình đi bác sĩ và xin được cùng vào phòng khám vì sợ mình đau. Hôm nay bà xã mình khám phá thêm mình bị đau hernia nên lại càng sợ thêm. Thế là mình nhức đầu quá. Thôi thì mọi sự Chúa đã muốn vậy mình đành chịu vậy.

Hôm nay tái khám thì bác sĩ cho biết vết lở đã lành 80%, nhưng ông muốn chắc ăn nên thử một lần nữa và sau đó là chuyện giải phẫu bệnh sa ruột.

Có lẽ cũng là phép lạ nhờ lời cầu nguyện của toàn thể quý đức cha, quý cha và toàn thể anh chị em KhaiPhá.

Trung Mai xin cảm ơn tất cả anh chị em đã email, gọi phôn để thăm hỏi. Trung nghĩ cả những anh đã biết tin, dù không email thì cũng đã nhớ tới Trung trong lời cầu nguyện.

Một lần nữa, xin Thiên Chúa luôn gìn giữ tất cả anh em chúng mình dù trong hoàn cảnh nào cũng đùm bọc, yêu thương, nâng đỡ, và an ủi lẫn nhau.

Trung Mai xin tạ ơn tất cả những gì anh chị em đã làm cho bọn mình

**Cảm tạ. TRUNG MAI và GIA ĐÌNH
Mc Pherson 10 tháng 11, năm 2006**

LỜI TRẦN TÌNH CỦA BẢO

Hoàng Quang

Dở khóc dở cười lỡ tiếng yêu thương,
 Nghe tin bạn chấp choạng chiều bão tố.
 Tháng chín tàn ngàn ngồn ngang nỗi khổ,
 NEW ORLEANS thiên tai đổ trên đầu.
 Sáu tháng để rút nước đi, ba tháng nữa mới
 hong khô thành phố.
 Cộng chín tháng như cưu mang con nhỏ,
 Lời tiên tri đang trở nhánh mầm.
 Lậy Chúa từ nhân đây tiếng khóc trầm ngâm,
 Xin đầm ngực và cầu kinh xám hối.
 Bão đã đến, cuốn phăng mọi đam mê tội lỗi,
 Thuyền Noê chất lọc người hiền.
 Lời cảm tạ đầu tiên,
 Dâng Đức Mẹ đã cứu bạn chúng con thoát
 hiểm.
 Cha Lịch, Tổ cò cùng chàng rể Điện,
 Ngục lặn ngoi lên tắc biến hoá thông.
 Chúng con xấp mình cậy trông,
 Con nước Việt đang nấu lòng nước Mỹ.
 Chúng con trở thành chúng nhân thế kỷ,
 Hợp chất bão hoà dung dị đi hoang.
 Xa lắm rồi chẳng một ly tre làng,
 Mờ ảo ảnh canh cà rau muối.
 Không rảnh một lần để nghe lòng tiếc nuối,
 Hòn cuội nằm trơ thồn thức tiếng suối reo.
 Thời cuộc dẫn đường chạy trốn bóng nghèo,
 Sao cái rui đuổi theo bết gót.
 Chúng con có thằng gọi tên là Tốt,
 Mà đến chừ vẫn tự nhận Tốt Đen.
 Tốt Đen ơi mây vẫn sáng như đèn,
 Hơn cả trắng bởi mây lên trắng tỏ.
 Cũng có thằng Ngộ Không Tề Tuyên đó,
 Computer bắt-đờ-sô hành quân.
 Thành Thái Quân Vương sao mây đổi biệt
 danh,
 Thái Vũ hề hề thành Tháizúí...
 KP/US ơi nhớ tụi mày túi bụi,
 Trước thiên tai này lại cặm cụi nhớ thương.
 Bởi tuổi ni mới thấm nỗi đoạn trường,
 Tin từng lúc đưa còn đưa mất.
 Con người ừ, vẫn sinh tồn mặt đất,
 Bão trong lòng có thật bởi vắng nhau...

HOÀNG - QUANG (Nhớ vô cùng các bạn,
 nhất là gửi lời thăm đến Lịch, Tổ, Điện)

HAI MƯƠI THÁNG MƯỜI MỘT

Hoàng Quang

Có một ngày dành riêng cho thầy giáo,
 Hai mươi tháng mười một hão huyền
 chẳng?!

Trời vẫn trong và mây vẫn giăng,
 Sao tư lự đáy lòng dằng dặc mãi!

Trí tuệ, trái tim mỗi mòn rồi có phải,
 Kinh tế thị trường, thương mại hoá bút
 nghiêng?!

Nghĩa thầy trò cùng đèn sách thánh
 hiền,

Bày trang kệ, bụi triền miên lấp phủ!

Hệ dân lập, bán công rao quầy chữ,
 Ghé trường công, không đủ chỗ khách
 hàng!

Văn chương lạc vào thời quá độ sang
 trang,

Công nghệ thông tin, đá vàng ngoại
 ngữ...

Nghành nghề vào đời rồi bời như thủy
 hử,

Chiếc ô dù còn thách đố tài năng!

Rạn nứt phu thê tán tận nghĩa kim băng.

Trò cảm dỗ từng bước thang danh
 vọng!...

Đã tới lúc thúc hồi chiêng gióng trống,
 Đốt lửa thiêng cuộc sống thấp trang đời.
 Cân bằng trong tài đức mỗi con người,
 Cho ngày ấy nở môi cười thầy giáo!!!...

(Gã tháo giầy Hoàng Quang, lấy giáo án dán áo
 để thơ tặng các bạn Khai Phá thân yêu)

HOÀNG QUANG

Hạt Kính Mân Côi

Bùi Nghiệp

Intro

Từng hạt kính Mân côi con kính dâng lên

Mẹ ơi giữa trần đời hồn con chơi với, xô dạt con trôi giữa bão

Mẹ Mẹ ơi hồn con chơi với, xô dạt con giữa bão

đời Mẹ ơi con bơ vơ bão đời xô lấp ngược trôi

đời con trôi giữa bão đời. Mẹ ơi đời xô lấp ngược trôi

Fine Mẹ là nguồn an vui *Fine* Hoa Mân côi vỡ

Mẹ nguồn an vui an vui Con cô đón trăm

về đường trần gian lè thê. Hạt vui ơn cứu thế hạt thương

chiều nhờ hạt kính thương yêu Mẹ vui ơn niên thiếu Mẹ than

khó nào *s* nể hạt mừng Mẹ về quê

khóc con mình Mẹ mừng Chúa phục sinh.

Từng hạt...

40 Năm Lưu Đày,.....

Bảo Giang

Các bác thân mến,

Vết chân xưa còn lưu lại trong lòng chúng ta nhiều dấu ấn. Dấu ấn của tình thương, cha mẹ anh em, bà con thân thuộc. Dấu ấn của trường xưa với bạn bè, thầy cô. Dấu ấn của đất nước với làng mạc, ruộng nương, thành phố. Dấu ấn của tình tự, nơi ấy ta gặp nhau và hẹn hò. Dấu ấn một đời mới, nơi ấy bác đi giữ niềm tin, hay tôi làm muối đất cho một gia đình nhỏ bé. Và dấu ấn vì quê hương. Nơi bác có những giọt mồ hôi chảy xuống vì lam lũ, và tôi rớt từng giọt nước mắt trên quê người vì phải cách chia. Đó là những hình ảnh đọng lại trong tôi, trong anh, trong chúng ta như là những chứng tích vĩnh viễn không bao giờ rời xa.

‘Viết Cho Về Bến’, Thái bảo thế. Tôi sẽ viết gì? Viết về tình bạn và mái trường? Viết về gia đình với mẹ cha, anh em khi còn bé. Viết về một đời mới của riêng nhau. Hay viết về một tình tự đất nước với thương yêu và chia lìa?

Thật ra tất cả những câu hỏi này đều rất đáng trân trọng và phải ghi lại đây đôi nét. Nhưng thôi, lần này tôi xin ghi lại đây hình ảnh của một cuộc lưu đày. Đúng ra, đây là phần



KP miền Nam Cali và cha Việt Hưng

cuối trong tác phẩm 40 năm lưu đày của tôi. Tuy nhiên, khi viết cho riêng Khai Phá tôi đã lược bỏ đi khá nhiều, chỉ ghi lại vài nét phác họa của tình đời thôi. Hy vọng các bác có được một nụ cười mỉm. Một chút suy tư nào đó cho thân phận của một cuộc Lưu Đày 40 năm của người Do Thái, để học những kinh nghiệm đau thương của họ cho mình.

Đoạn Kết:

"Dân ta sống lưu đày trong sa mạc,

Bốn mươi năm ôi nhưng nhớ ngập tràn..".

Bọn trẻ chúng tôi nối tiếp nhau thành vòng tròn, vừa đi vừa đập tay trên đầu gối và hát... Hát xong, tôi hỏi anh chị lớn:

- Thưa trưởng, quãng đường cách nhau bao xa mà phải mất 40 năm người Do Thái mới vào được đất hứa?

- Ủ, có lẽ không xa lắm đâu, nhiều lắm là gấp ba đoạn đường từ bắc vào nam thôi. Nhưng chủ yếu là cứ vòng vòng trong sa mạc nên mãi mới đến nơi?

- Sao họ không ngắm hướng mà đi ?

Dĩ nhiên, anh chị lớn cùng sinh hoạt với chúng tôi cũng chẳng phải là nhà viết sử, nên các anh chị ấy bảo?

- Chắc là có nhắm hướng chứ.. Tuy nhiên họ đã có cột mây dẫn đường thì cứ theo cột mây mà đi?

- Hay là họ bị Chúa phạt nên mới phải đi lòng vòng mãi?

- Xuyt, bé miệng chứ. Nói thế nhờ người Do Thái họ nghe thấy thì họ buồn chết.!

Nghe mấy anh chị lớn bảo thế, tôi vỗ tay cười tít, rồi bảo:

- Em biết tại sao rồi?

- Nói đi?

- Em được nói không?

- Nói đi...

- Này nhá, em nghĩ rằng Chúa của tổ phụ Abraham chỉ muốn cho người mới lớn lên vào đất hứa thôi. Còn những người đã trưởng thành ở Ai cập rồi thì phải... ngủ lại ở trên xa mạc. Bởi lẽ, lòng họ mang nặng thù oán, ghen tương, phỉ báng nhau và trách cả Giời nữa. Đã thế, trí tuệ cũng chưa mở mang lắm nên họ sẽ không giúp ích nhiều cho phân đất mới đâu, trái lại chỉ đào thêm những thù hận thôi...

- Bé miệng chứ, Ai bảo em đấy?

- Tự em nghĩ thế ...

Hôm nay ngồi nhớ lại câu chuyện cũ, bỗng dung tôi giật mình, run rẩy, tự hỏi:

Nếu câu chuyện ấy trở lại với lịch sử của người Việt Nam thì sao đây? Tôi sẽ khóc, hay tôi sẽ cười. Tôi sẽ mừng vui hay là tôi sẽ gục đầu ủ rũ?

Sự thật thì tôi không thể trả lời vì tôi cũng chẳng biết tôi sẽ phải ra sao? Kể đến, nếu là một định mệnh thì vui hay là khóc nó cũng sẽ đến. Thôi thì... chờ vậy.

- Nhưng tại sao, bỗng dung tôi lại nghĩ đến thân phận của Việt Nam cũng phải đi vào cái vòng luẩn quẩn như thế?

- Thì đã bảo là bỗng nhiên tôi linh cảm thấy câu chuyện sẽ như thế mà. Dẫn chứng thì cũng có những điều na ná với nhau, nhưng sẽ chẳng bao giờ có kết luận. Theo đó, tôi không có câu trả lời khi bảo là linh cảm. Hoặc câu trả lời của tôi sẽ không đáp ứng được yêu cầu của câu hỏi. Thôi thì tôi xin viết ra một số những ý tưởng vờ vụn trong tôi, dù những ý tưởng này chẳng ăn nhập gì vào nhau, nhưng biết đâu, tìm ra được một lối thoát cho câu hỏi. Và nếu như nó không đúng, có lẽ, chẳng ai nữ trách tôi.

- Vậy thì viết đi!.....

-Này nhá, người Việt Nam có thù hận lẫn nhau không?

- Thưa có, chất còn cao hơn núi.

- Người Việt có thương yêu và bao bọc lẫn nhau không?

- Chờ để tôi mở sách ra xem đã. Có rồi đây.

- Thế nào?

- Sách có viết là;" Nhiều điều phủ lấy giá gương ạ..."

- Ta không có hỏi người sách viết ra sao. Ta chỉ hỏi người là họ có thương nhau hay không?

- Thưa có... nhưng bằng mồm thôi.

- Thế người Việt có đánh nhau không?

- Dạ... đánh nhau bằng tay chân thì ít thấy (vì sợ cảnh sát bắt) nhưng bằng ... mồm thì không đẹp không ăn tiền.

- Họ choảng nhau thì giỏi rồi, nhưng những người này có dám đánh gian ác không?

- Dạ thưa... không ạ.

- Sao lại thế?

- Dạ, thưa... còn phải Về Bên, nên sợ gian ác biết mặt biết tên, chúng... đực bằng tay hoặc chúng chơi trò bóp... để là chết không kịp trời ạ.

- Vậy những người không về có dám... đực chúng không?

- Dạ... cũng không luôn ạ.

- Sao lại thế?

- Tại vì đực nhau thì được, nhưng nhắc tới gian ác thật là... teo chim liền.

- Gia chim teo rồi còn gì nữa mà sợ?

- Ngài hỏi kỳ quá, có ông già nào muốn cho người khác biết là mình teo chim đâu!

- Vậy nhà người có tham gia những vụ đánh nhau bằng mồm không?

- Bẩm ngài, con giữ luật rất đúng ạ. Con thương yêu hết mọi người và thương dân thương nước con ạ.

- Có thật như thế không?

- Bẩm ngài, con ít nói dối ạ.

- Vậy tại sao nhà người không dám viết ra những sự thật của dân người?

- Bẩm ngài... chuyện này khó lòng lắm ạ.

- Sao thế?

- Tại viết thật chúng tưởng con phá đám chúng đục nát thầy ạ.

- Cây ngay sao sợ chết đứng?

- Lạy ngài, cây ngay không chạy đi chỗ khác được. Chúng dùng cưa máy thì chết. Hơn nữa,... bọn tà ma này nó giỏi lắm... nó bỏ cả ngày cả đêm ra mà theo dõi cái xuất xứ của bài viết... Chúng em sợ nó chờ ở đầu... ngõ lắm ạ.

- Đã sợ thì tại sao lại đánh những người... đánh kẻ gian?

- Dạ thưa ngài đây là một bí quyết để nổi tiếng ạ. Này nhá, những người đánh kẻ gian nổi tiếng thì họ có gan giời rồi. Em không dám sánh với họ. Nhưng khi em đánh những người đánh kẻ gian thì em sẽ nổi tiếng có khi còn hơn cả những người đánh kẻ gian nữa ạ.

- Sao lại nổi tiếng hơn được?

- Giời ạ, Ngài thật thà quá. Này nhá, đã làm người như chúng em thì là "nhân bất thập toàn". Đã làm người thì ai không có tội. Thế nên em chỉ rình rình... hễ mà tay nổi tiếng nào đó đi uống cà phê vớithằng nào em ghét là em hô hóan lên..... Trong khi những

người đó lại không muốn lây với hủi.... thế là em đại gì mà không bôi tro trát trấu cho nó... Em đánh một chiều. Em thắng nhón.

- Nhà người không sợ người ta cười cho hay sao?

- Dạ, ai cười mà không hở mưởi cái răng! Mà kẻ này có phải một mình em biết đâu!

- Người Việt có kẻ tội nhau không?

- Dạ không, Ngày xưa dân Do Thái hỏi tội Moises, nhưng dân em chỉ thêm mắm muối vào cho nó có mùi thôi ạ.

- Người Việt có ngồi lại với nhau được không?

- Bẩm ngài, chỉ ngồi bằng mồm thôi ạ.

- Thế nhà người có tài gì?

- Làm lãnh tụ.

- Ngoài cái tài ấy ra người còn tài nào khác không?

- Thọc gậy bánh xe.

- Tại sao người lại thích thọc gậy bánh xe?

- Giời ạ, xin Ngài thông cảm, tại quen tay rồi.

- Tại sao người lại thích đội mũ cho người khác?

- Chả lẽ tôi đội cho tôi. Chả lẽ tôi ngồi im để nó đội cho tôi? Ngài không biết câu tiên hạ thủ vi cường à?

- Người Việt thích làm chủ tịch muôn năm lắm phải không?

- Đã... nhờ làm chủ tịch rồi thì phải giữ cho đến chết Ngài ạ. Nếu không tìm cách giữ là... ngu đấy!

- Tại sao họ không biết lượng sức mình:?

- Thưa ngài, nhìn đi nhìn lại cũng không có ai hơn tôi. Khi chúng nó muốn kéo tôi xuống thì tôi phải lập cái khác để mà làm chủ tịch chứ... hi... hi...

- Anh bao nhiêu tuổi rồi.

- Lúc mất nước tôi đã làm nhón!

- Tôi muốn hỏi là năm nay anh được bao nhiêu tuổi rồi.

- Lúc ấy tôi đã 30 ngoài.

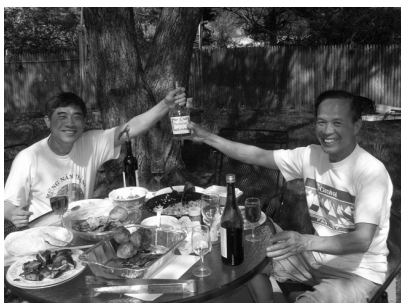
- Lớp đàn anh của người ra sao?

- Ôi những tên gia cường trí cổ hủ ấy mà Ngài hỏi đến làm chi nữa.

- Thế hệ trẻ kế thì sao?

- Chúng nó ... non tay ần lăm ẹ.

- Lớp trẻ nữa.



Tề Tuyên và Hiến chùa.

- Chúng có biết gian ác là gì nữa đâu! Chỉ hò hét cho vui thôi.

- Những người được gọi là trí thức thì sao?

- Giời ẹ, họ đi bán pháo được đấy!

- Còn những người đang phản tỉnh ?

- Phản gì mấy cái đầu óc đặc đó. Đại bịp thì có. Chúng chỉ tranh ăn mà chửi nhau thôi

-Tất cả không vừa ý anh à?

- Nói ra thì bảo là tôi lăm nhời, nhưng thật

sự là không sai được....

- Nếu cuộc lưu đày của người Việt 40 năm mới có cơ hội chấm dứt người nghĩ sao?

- Xuống lỗ rồi còn nghĩ gì nữa?

- Người bằng lòng à?

- Có cách thay đổi không?

- Có, nếu nhà người ngậm miệng một năm con số rút xuống còn 39, bằng lòng hông?

-Tôi không mù, không điếc, chúng nó hò hét, tôi nhìn sao nổi.

- Vậy ta cho nhà người mù, câm điếc thật để được rút xuống con số... 39 người có đồng ý không?

- Lạy giời.... xin ngài xét lại đi. Kế ấy khéo mà hỏng.

- Sao lại hỏng.?

- Chỉ có mỗi mình em bị mù, còn chúng nó vẫn được ăn chơi thì không công bằng ẹ.

- Vậy nhà người muốn sao?

- Nếu Giời thương thì cho em mượn... cây gậy thần thông của Moises đi.

-Người mượn cây gậy ấy để làm gì?

- Dạ để em oánh bỏ mẹ những thằng.... nó hay chửi em ở trên Net, trên báo, trên đài, và em oánh bỏ mẹ những thằng bịp... để em xung bá ẹ,

- Không oánh gian ác à?

-... Dạ có. Sau khi em dẹp hết mấy thằng hay ... chê bai em trước rồi em oánh gian ác sau ẹ.

-Khoảng bao lâu người dẹp xong những người hay khích bác, chê bai lẫn nhau?

-Dạ... khoảng 100 năm!

- Nếu người biết là Moises không được vào đất hứa thì người dám mượn cây gậy thần thông ấy nữa hay thôi...

-Da... dạ... thôi...

- Sao thế?

- Dạ.... dạ... em sợ phải đi theo Moises ạ!



KP và bà cố cha Vũ anh Thu

- Nhà người cà rờn quá. Nghe ta hỏi câu rất đúng đắn lần cuối đây.

- Dạ xin Ngài cứ phán đi.... tôi đang nghe mà.

- Nghe cho rõ mà giả nhời nhá.

- Dạ... Dạ....

-Nhà người nhất định không chịu ngậm miệng để đổi lấy con số lưu đày ngắn lại một năm à?

- Dạ... dạ... không. Bởi vì như thế là thiệt cho em quá.

- Nếu phải mất bốn mươi năm dân người mới có thể về lại quê hương nhà người buồn hay vui?

- Dạ,,,,, Dạ.... vui.

- Tại sao vui?

- Tại vì mấy thằng nó hay... chơi em nó ngum củ tỏi rồi.

- Không buồn à?

- Dạ,,, Dạ.... có.

-Tại sao buồn?

- Tại vì em ... có nhẽ cũng đi luôn rồi, không còn dịp nói phét nữa....

Ôi! Ta không ngờ, các người nói giống nhau quá! Cứ như lời nói ấy, ta biết nhà người không có lòng thương dân thương nước người. Nhà người là người ích kỷ. Đã vô năng, lại đi phỉ báng người khác. Ta rất thương dân người, nhưng gặp hoàn cảnh này Giờ cũng đành bó tay thôi.

Giờ nói xong, con mộng tan. Tôi tìm được một câu trong cuốn sách cũ:

" Chử rằng Lục Thất nguyệt gian"

Và một chỗ khác cũng đã viết:

" Ý ra Lục Thất gian nan"

Như thế, tôi tự hỏi: Có phải câu chuyện của người Do Thái bị Lưu Đày trên Sa Mạc 40 năm trước kia, là một cuộc tẩy rửa, nó sẽ ứng nghiệm với lời của cụ Trạng Trình đã báo trước cho Việt Nam là: “Chử rằng Lục Thất nguyệt gian” hay sao?

Điều này đúng hay sai? Nếu đúng, nên buồn hay vui?

Phần tôi, tôi không biết trả lời ra sao. Tôi tin vào một cuộc tự biến thể để có niềm vui. Hơn thế, trong nỗi ước mong của tôi đã là:

...."Én ơi gọi nhận sum vầy,

Mai quê hương mới, nhờ bày trẻ thơ...."

Bảo Giang
25.5.2006

BẠN TÔI

Phạm Văn Ry

Tôi đã không gặp bạn tôi kể từ miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản. Chúng tôi cùng chung một mái trường từ nhỏ, và ngay cả khi bước chân lên Đại Học, chúng tôi cũng cùng học chung với nhau.



Trần Trung và Phạm Ry thời Trung Học

Tôi đã có nhiều kỉ niệm, vào thời Trung Học, mỗi khi hè đến, được dịp về quê bạn tôi chơi, tôi cảm thấy thích lắm. Vào những mùa nước lụt, thích thú nhất là đi xuống ba lá, thăm những người thân quen, láng giềng; thả bộ rong chơi mỗi buổi chiều đến những bà con thân thuộc, mặc dù tôi chẳng biết anh em, bà con như thế nào. Ngoài ra, mỗi buổi chiều, tôi và bạn tôi thả bộ ra bờ ao bên cạnh nhà để câu cá, thú vị lắm khi câu được một con cá lóc, để rồi cả nhà có cùng một bữa canh chua ngon miệng. Tình nghịch hơn nữa, có những lần chọc ghẹo cả đến những nữ tu dòng Chúa Quan Phòng, với chiếc áo trắng bà ba, tóc tết ngắn, sao thấy thích lạ. Tuổi mới lớn và mới yêu mà, cứ thấy các cô, là tim lòng đã rạo rục rồi.

Qua tuổi niên thiếu thời Trung Học, bạn tôi có dịp về nhà tôi, để đi học Đại Học, cả hai chúng tôi đều chọn bạn văn chương, do đó sự thắm thiết tình bạn lại càng sâu đậm hơn. Nhiều kỉ niệm khó quên sau thời gian học hè tại Đại Học Văn Khoa, được các em Sinh Viên yêu mến, giữ chỗ, cho mượn bài ghi chép, rồi còn được rủ đi ăn chè lè đường, thú vị quá, thật là những kỉ niệm khó quên của hai đứa chúng tôi.

Mỗi lần nghĩ tới bạn tôi, hình ảnh bạn tôi lại hiện dần trong tâm trí, với nhiều kỉ niệm vui tươi thời Đại Học. Không biết bạn tôi bây giờ thế nào, tâm vóc có khác xưa nhiều không? Một năm, sau ngày quê hương rơi vào tay Cộng Sản, chúng tôi mỗi người mỗi phương. Tôi thì bị Cộng Sản bắt giữ, chỉ vì muốn lấy trường học mà tôi đang trú ngụ, còn bạn tôi, thì được bài sai đến một họ đạo mà tôi cũng chẳng nhớ, chỉ biết mọi anh em đều tản mác, tâm trạng hoang mang, lo lắng, tương lai mù mịt, số phận chẳng biết sẽ đi về đâu, sau thời gian miền Nam bị sụp đổ.

Tôi được ra tù sau 4 năm, 1 tháng, 1 ngày từ khám lớn Rach Giá, và tôi tụt tụt liên lạc để trốn ra khỏi Việt Nam. Từ ngày đặt chân đến Mỹ, tôi ít khi liên lạc với bạn tôi, một phần, có lẽ vì đời sống bận rộn, vì hoàn cảnh phải vật lộn với kinh tế cho chính bản thân và gia đình, phần khác, vì phương tiện thông tin còn yếu kém, địa chỉ cũng không có, điện thư thì chưa phổ thông, do đó sự liên lạc với nhau càng thêm phần khó khăn hơn. Tuy nhiên tôi vẫn âm thầm nhớ đến những người bạn tôi đã cùng chung một mái trường, không riêng một ai, kể cả bạn tôi. Tôi vẫn thầm mơ ước, có ngày gặp lại tất cả những bạn bè, để ôn lại những kỉ niệm thời xa xưa ấy, nhiều lắm, chẳng giấy bút nào kể hết.



Ry, Thuc, và Trung tại phi trường LAX

Vào năm 1991, tôi được tin bạn tôi thụ phong Linh Mục, nhưng tôi cũng chẳng giúp được gì cho bạn tôi, ngoài những lời cầu nguyện để bạn tôi luôn được trung thành với ơn gọi. Sau đó được tin bạn tôi chuyển về xứ đạo xa thành phố, giáo dân tạp lục gồm cả 3 miền Nam, Trung, Bắc, Bạn tôi đã âm thầm cố gắng gầy dựng cho giáo xứ được phát triển, nhưng điều kiện tài chánh thì giới hạn, giáo dân thì chẳng giàu có gì, mọi sự đều phó thác cho bạn tôi. Tôi đã cảm thông được sự nghèo và cơ cực của bạn tôi, nên tôi đã nảy sinh ý nghĩ bảo lãnh bạn tôi qua Mỹ ít ngày, để bù vào những cơ cực mà bạn tôi đã phải chịu, từ khi tôi biết cho đến bây giờ.

Thú thật, Bu nhà tôi đã không biết ý định của tôi khi lo thủ tục giấy tờ bảo lãnh, cho tới ngày giấy tờ hầu như hoàn tất, thì đột nhiên, Mẹ tôi lâm trọng bệnh. Đầu óc tôi lúc này rối như tơ vò, phải làm sao bây giờ: Mẹ tôi..., bạn tôi...., chu toàn thế nào đây. Bu nhà tôi có hiểu những gì mình làm ? Nhà tôi (Bu) chưa biết, nhưng sự gì đến, cũng sẽ đến, trước những ngày cuối đời của Mẹ tôi, hình như có một sức mạnh nói với tôi: con đừng sợ, hãy tin tưởng và phó thác, mọi sự rồi cũng sẽ qua.

Thời gian đã đến, ngày 9-6-2005, bạn tôi được chấp thuận đi du lịch Mỹ. Tại phi trường, hình ảnh ngỡ ngàng của một người miền quê đến thành thị; từ ngạc nhiên, ngỡ ngàng đến lo âu.

Thoạt đầu nhìn thấy bạn tôi, một ý nghĩ chợt thoáng trong đầu, lạ Chúa tôi, sao chẳng thấy đôi gì cả vậy, lại đen hơn trước nhiều. Có lẽ bạn tôi đã phải vất vả với ánh nắng của quê hương chẳng hay cũng lam lũ như còn thời niên thiếu khi xưa, nên nước da sạm lại, nhưng có phần cứng chắc với tuổi đời hơn.

Tôi trầm nghĩ, phải chăng Mẹ tôi còn sống thêm ít tháng ngày nữa, nhìn thấy bạn tôi, chắc hẳn Mẹ tôi vui rất nhiều. Khi còn sống, Mẹ tôi cũng thường hay nhắc tới bạn tôi, mỗi khi nhớ lại những ngày tháng mà bạn tôi học hè cùng với tôi tại ĐH. Mẹ tôi khen bạn tôi rằng: anh ấy tuy nhỏ con, nhưng đôi môi cứ giống như con gái vậy, chả thể mà mỗi lần về nhà tôi, đã có nhiều cô theo da diết. Cho đến bây giờ, mỗi lần nhắc tới bạn tôi, nhiều cô vẫn thường hỏi thăm và đôi khi còn buột miệng dăm ba câu hỏi tiếc: giá mà bạn tôi đừng, giá mà em bạo dạn tán tỉnh thêm tí nữa, sao nhiều thứ giá mà quá.

Từ phi trường đến nhà, bạn tôi có nhiều thắc mắc, kể nhiều chuyện, từ quê nhà, bạn bè, đến xứ sở....hình ảnh đầu tiên đến với bạn tôi khi bước chân vào nhà là di ảnh người Mẹ của tôi, là người mà có lẽ bạn tôi cũng đã nhận ít nhiều những chỉ dẫn và chăm sóc trong thời gian còn đi học, rồi Ba tôi đang đau yếu, ngồi một góc trong phòng. Hình ảnh xa xưa ấy, có lẽ đã gọi lại trong trí nhớ, thương tiếc, xót xa, ngậm ngùi, vui, buồn lẫn lộn trong tâm trí.

Các con tôi chỉ biết đây là bạn tôi, là một LM, bu nhà tôi cũng thế, sự hoà hợp lúc đầu, chắc cũng còn một khoảng cách không xa, nhưng với sự giản dị, không cầu kỳ từ xưa của bạn tôi, là một móc xích, thắt chặt tình liên đới giữa các con tôi, bu nhà tôi vào hình ảnh một vị LM bình dân chất phác này.

Những tháng ngày sống bên Mỹ, chẳng biết bạn tôi đã hưởng thụ được những gì, tiếng Mỹ đã học được bao nhiêu, nhưng tôi biết chắc một điều là bạn tôi đã gặp nhiều sự bất ngờ đã xảy ra trên đất Mỹ với bạn tôi, chẳng hạn như:

đi máy bay từ Seattle về Orange County Airport, thì bị lộn đến phi trường Long Beach; đi máy bay từ John Wayne Airport đến Kansas, thì bị đổi và trì hoãn chuyến máy bay, làm bạn tôi chẳng biết xoay sở ra sao, ngỡ ngác, lạc lõng giữa rừng người không cùng một ngôn ngữ. Trên đường từ Kansas đến Dallas, vỏ xe bị nổ trên Freeway. Kinh hoàng hơn nữa, từ Houston sang New Orleans, cơn bão Katrina điên khùng kéo đến, cả xóm đạo, thành phố phải di tản. Chỉ chậm vài tiếng đồng hồ, là bạn tôi có thể cũng bị chìm ngập cùng với đoàn người bị thiên tai bão tố vùi dập.



Cha Trung và thầy Lâm.

Chưa hết, trở về Cali, trên đường đi lo cho GX Bờ Bao, lại bị đụng xe trên xa lộ. Tất cả những thiên tai kinh hoàng ấy, đã dồn dập đến với bạn tôi chỉ vồn vện 3 tháng trời, chắc chắn đã để lại trong ký ức bạn tôi rất nhiều kỷ niệm.

Ba tháng trôi qua nhanh, đến ngày phải trở về nhiệm sở, để lại trong gia đình tôi nhiều lưu luyến. Các con tôi lâu lâu lại hỏi: bạn bố khi nào tới nhà nữa? Sao bố không làm LM như bạn bố?, Sao Bố lại lấy vợ? Tại sao nhiều quá, từ nơi các con tôi. Đôi khi bu nhà tôi hỏi:

- Xóm đạo của Cha sao mà đèo heo quá vậy? Sao mà bạn anh cũng chịu nổi nhỉ?

- Vâng đi tu là vậy đó em, nếu anh còn đi tu, anh cũng chọn nơi đèo heo hơn nữa để tu

thân cho xứng đáng, tôi trả lời,

- Liếc mắt, bu nhà tôi nói: gớm, có mà tu hú, chứ tu thân gì, gặp các cô là cứ sáng rỡ mắt ra.

Tôi bị mắc oan quá nhỉ, chỉ vì không chịu đi tu như bạn tôi.

Một năm tròn đã trôi qua, mau quá, cũng chính ngày này năm ngoái, tôi chuẩn bị ra phi trường đón bạn tôi. Tôi vẫn nhớ những ngày đầu tiên ấy, hình dáng, vóc người, nước da có phần đen hơn xưa, nhưng thêm phần chững chạc và đạo mạo hơn trước.

Hy vọng bạn tôi vẫn khỏe và nếu có dịp đi chơi lần nữa, dịp đó có lẽ tôi sẽ dành nhiều thì giờ hơn cho bạn tôi, không phải lo lắng về tài chánh, lúc đó may ra bạn tôi mới cảm nghiệm được đời sống và những nét đẹp nơi Mỹ Quốc.

Viết đôi dòng về bạn tôi, ngày đầu tiên bước chân tới Mỹ, (June 9, 2006 đến Sept. 8, 2006)

Đó là người bạn Trần Quang Trung, là LM, đang phục vụ tại giáo xứ Bờ Bao, địa phận Long Xuyên, Việt Nam.

Người viết:

Phạm Văn Ry (Hoa Kỳ). June 10, 2006.



Cha Trung và Hiền (vợ Thục)



VUI BUỒN ĐỜI GIÚP XỨ

Benoit Bùi Đức Hiền

Khi lấy đề tài “Vui buồn đời giúp xứ”, tự nhiên tôi nghĩ tới các nàng dâu Khai Phá. Ngày xưa khi bước chân lên xe hoa về nhà chồng, các cô nàng cảm thấy thật ngây ngất hạnh phúc, tận hưởng những giây phút ngọt ngào của hương vị tình yêu. Khởi đầu đẹp đẽ quá đi chứ ! Và nếu có ai chẳng may về làm dâu nhà Khai Phá mà cơ cực, thì quá lắm cũng chỉ phải chịu một năm là cùng. Năm sau có con cái, ra riêng, khoẻ re. Thế còn chúng tôi, những người ‘gan lì’, không phải chỉ giúp xứ – làm dâu thiên hạ, một năm, hoặc hai năm, mà là những tháng ngày thăm thẳm chiều trôi, không định hướng. Hiện tại thì khó khăn, tương lai thì mịt mù, đen tối, có khi còn có cả tù tội nữa.

Theo chương trình huấn luyện, đào tạo các linh mục trước năm 1975, thì các thầy phải học xong chương trình triết học là hai năm ở đại chủng viện Thánh Giuse, Sài Gòn, hay ba năm học triết, thần và cả thánh kinh nữa, như ở đại chủng viện Tôma, Long Xuyên, thì mới đi giúp xứ. Thời gian qui định là một năm hoặc hai năm là tùy bề trên địa phận. Ở giáo phận Long Xuyên là hai năm. Hai năm thì sao gọi là ‘đời’ giúp xứ được ? Thế mới có chuyện nói.

Đây nhé: sau biến cố 1975, mọi sinh hoạt bình thường trong đời tu trì đều bị thất bát đảo điên. Các đại, tiểu chủng viện, dòng tu bị đóng cửa một loạt, ai về nhà nấy. Cho nên chương trình huấn luyện các thầy vì thế mà phải thay đổi cho hợp với hoàn cảnh mới. Riêng tại giáo phận Long Xuyên, tất cả đại chủng sinh thuộc các lớp được gọi về đại chủng viện

Tôma, học cấp tốc, học đại trà, học một lần bao gồm nhiều môn. Ngón ngáo hăm bà lằng cho kịp với thời hạn mà còn đi giúp xứ.

Với anh em lớp Khai Phá, chúng ta thấy rõ, ngày ấy sau ba tháng học cấp tốc, khoảng tháng Chín năm 1975, có cuộc rút thăm, trúng xứ nào thì nhận xứ ấy làm quê hương của mình. Xứ có cha sở thì khoẻ, có nơi là họ lẻ, lại cũng có chỗ là thí điểm truyền giáo, hiểm bóng cha cụ. Quả đúng là 12 bến nước, đục trong rạn mà chịu. Đến với xứ đạo dù có cha sở hay không, thì trách nhiệm trên vai ông thầy giúp xứ quả có nhiều vất vả đắng cay. Nặng vai bên phải vì lo gánh vác giang sơn họ đạo, nặng vai bên trái với những lo âu, động não, đối phó với chế độ mới, luôn luôn nghi kỵ tôn giáo. Sống làm sao cho thích hợp, vừa lòng mọi người trong xã hội. Đức cha giáo phận Long Xuyên, lúc ấy đã đề ra một phương sách ‘sống hợp pháp’ thích hợp và đúng lúc. Sau này trong bức thư chung của HĐGMVN năm 1981 được mọi người thường xuyên nói tới ‘sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc’ và ‘sống tốt đời đẹp đạo’. Sống từ năm này qua năm khác ở vậy mà thôi. Hoạ hiểm mới có thầy được tiến chức. Muốn tiến chức phải có phép của Nhà Nước. Người ta rất tiết kiệm.

Hiểu được hoàn cảnh tranh tối tranh sáng, lấp lửng con cá vàng của thời buổi sau năm 1975, để anh em chúng mình có dịp tán gẫu, ôn lại những kỷ niệm vui buồn có nhau.

Tôi chịu chức linh mục ngày 30 tháng

Giêng năm 1992. có nghĩa là sau 17 năm dài đảng đảng, đi giúp xứ ba nơi, với chức danh là ông thầy xứ.

1- 1975 - 1976 : giáo xứ Đồng Phú, kênh 2b, Cái Sắn.

2- 1976 - 1977 : giáo xứ Hợp Châu, kênh 5b, Cái Sắn.

3- 1977 - 1992 : giáo xứ Năng Gù, Châu Thành, An Giang.



Cha Hiền khi vừa tới Phi Trường LAX

Với 17 năm giúp xứ như thế có thể nói là ‘đời giúp xứ’ được chứ? Chính vì đời giúp xứ kéo dài những 17 năm, hơn rất nhiều các năng dâu Khai Phá có một hoặc hai năm. Một năm thám vào đâu so với 17 năm trường mờ mịt tương lai, và đây những cảm đồ toan tính bỏ cuộc, và tôi đã chiến thắng. Quả thật là chắc phải ‘lỳ’ rồi.

Thế 17 năm giúp xứ có gì là vui là buồn?

Nay tôi xin hầu anh em những mẩu chuyện xảy ra trong đời thường để mà nghe, mà biết, nhưng cảm diển ý đây.

CHUYỆN THỨ NHẤT: CHUYỆN ĐỔI TIỀN.

Các anh em con nhớ vào khoảng tháng 10 năm 1975, toàn quốc có cuộc đổi tiền. Mới sáng sớm đã có lệnh ai ở đâu thì phải dậm chân

tại chỗ, không được di dời chỗ ở, vì đây là lệnh giới nghiêm mà. Sau đó loa phóng thanh phát đi cho biết mỗi gia đình phải khai báo toàn bộ số tiền cũ, để đổi lấy tiền mới. Mỗi hộ chỉ được lãnh 200\$, còn bao nhiêu phải gói vào ngân hàng nhà nước.

Ngày ấy, tôi mới chập chững về giúp xứ kênh 2b, xứ Đồng Phú. Lệnh đổi tiền, theo qui định mỗi gia đình chỉ đổi được 200\$. Vì mới về, chưa nhập khẩu, nên chưa có tên trong sổ. Cùng lúc ấy, bên mấy bà sơ, dòng Chúa Quan Phòng, cũng có một bà mới về, và cũng chưa nhập khẩu như tôi. (Gọi là bà cho ra về, chứ thực sự mới khẩn lần đầu, còn trẻ măng à). Thuận theo ý bà con, trong đó có ý kiến cha xứ nữa, tôi và bà sơ kia được ghi danh vào chung một khẩu. Sổ hộ khẩu được ghi thành gia đình có hai đứa, có chủ hộ, có thành viên đảng hoàng. Liên hệ giữa chủ hộ và thành viên thì . . . mù tịt. Sổ hộ khẩu được ban áp xác nhận để vài hôm sau khi có lệnh sẽ ra xã Tân Hiệp mà lãnh tiền là 200\$.

Trên đường đi, vì là chủ hộ, lẽ ra tôi phải cầm giấy và mình ên đi lãnh là đủ. Đảng này bà sơ kia cũng quyết đòi đi theo. Đi bộ, đường dài cả 6 km, đạp sinh mà đi, chứ đâu có phương tiện đi đò, đi xe đạp, xe máy. Ghê vậy đó. Đi song hành, thì không dám, mà đi sau thì không chịu, nhất nhất đòi đi trước, để nhờ có người trong xứ bắt gặp chào hỏi, thì bà ta lên tiếng trước và tự giới thiệu là. . . chị ba của ông thầy.

Bậy thật! Dân địa phương, người nam ở đây có tập tục, gọi tên nhau theo thứ tự trong gia đình. Bà sơ kia, gia đình có hai chị em, theo dân nam bộ, kêu là dì ba, vì là em. Còn tôi, tính theo người bắc, tôi có bà chị cả, và tôi kế tiếp nên được gọi là anh hai. Bà sơ ấy đi trước, tay cầm sổ hộ khẩu, lâu lâu ngoái cái cổ, quay lại và bảo: “Ê, tôi là chị ba đó à nghe”. Tôi cười: “Cũng được, nhưng hãy nhớ, phải kêu tôi là anh hai đó à nghe”. Thế là có cuộc khẩu chiến tay đôi. 1- 0 phần thắng đã về tôi.

Sau đó rà lại danh sách, tên tuổi trong hộ. Bà sơ ấy sinh tuổi mèo, năm 1951, nên cha mẹ đặt tên là Mão, di ba Mão. Còn tôi, trong sổ hộ khẩu chưa kịp ghi, tôi âm thầm cầm hai giấy: giấy khai sinh, sinh năm 1950, và thẻ căn cước ghi năm sinh 1954. (Lý do như anh em đã biết, năm 1968 theo lệnh tổng động viên, tôi sinh năm 1950, 18 tuổi phải đi lính, nên đã chạy về nhà, sửa lại khai sinh, sinh năm 1954 là như thế. Và tôi đã sai nó cho tới ngày hôm nay).

Tôi xoè giấy khai sinh 1950 cho bà ta thấy. Bà ta tức đỏ mặt lên. 2 – 0 phần thắng lại về tôi. Lúc ấy tôi chỉ cười nhỉnh mép, mặt vênh lên, mặc cho bà ta phân bua, nào là bà ta là người về trước, biết liên hệ tới chính quyền áp đề có khẩu mới, có thêm tiền mà tiêu pha.

Bước kế tiếp tính về chủ hộ và các thành viên trong hộ. Tập nói trước cho ăn khớp với nhau mà khai báo với uỷ ban nhân dân xã. Tôi hỏi bà ấy chớ thì trong hộ, người ta ghi ai là chủ hộ? Bà ta bảo thì là thầy rồi. Lúc này tôi lên giọng kẻ cả và phán rằng vậy còn cao thấp gì nữa. Vai bé mà cứ muốn làm chị à? Thế là bà ta thua, bà ta khóc, và giận không thêm nói lời nào xuyên suốt quãng đường ba cây số còn lại. 3 – 0 phần thắng lần nữa lại về ta.

Nghĩ lại thấy cũng tức cười, mà mình đúng tên là Hiền. Hiền thật. Ngày ấy, mới ra xứ, một phần vì mới lạ, còn chân ướt chân ráo, lạ nước lạ cái, chả biết gì. Ai nói cũng cười, cũng gật, rất ngây thơ, hồn nhiên trong sáng. Có lẽ, một phần vì bản chất tu trong người còn ‘zin’, nên chả có ý tưởng vắn đục. Cái phản ứng đầu tiên khi gặp các bà các cô là đứng xa xa, thế thôi. Tránh phiền hà, khỏi bận tâm. Ngày ấy nếu mà tôi ‘galant’ một tý, lợi dụng tờ hộ khẩu bước lên một tý, cộng thêm cánh tay dài thêm tý nữa, thì hôm nay chắc chẳng còn ngồi đây mà tán gẫu với các bác đâu nhỉ.

Tới xã, đưa tờ hộ khẩu và khai báo năm sinh, tôi đưa thẻ căn cước, sinh năm 1954, bà sơ ấy nhìn tôi với cái nguýt dài cả cây số, bù

lại chẳng đường giận dỗi làm thinh.

Ngày ấy, tôi còn thỏ đế, chưa thể thưởng thức được cái đuôi dài ấy, và cũng chẳng bận tâm tìm hiểu xem nó có ý gì?

CHUYỆN THỨ HAI : HÚ, HÚ, CHỒNG MÀY, VỢ MÀY !

Chuyện xảy ra vào năm 1976, năm thứ hai của đời giúp xứ, ở giáo xứ Hợp Châu. Sau những nghi lễ chào đón ông thầy xứ mới-ông thầy già,(một danh từ tự nhiên người ta gọi thế, mà mình có già gì đâu), được cha xứ trao cho trách nhiệm coi sóc Đoàn Thiếu Nhi. Mới ngày đầu tiên, sau thánh lễ, tôi được các em thiếu nhi nữ, kể cả huynh trưởng, đội trưởng và các cô Con Đức Mẹ méc rằng thằng Xuân hay lấy cọng thung bắn khi mấy cô gái này lên rước lễ. Thế là trong những ngày kế tiếp, hơn một tuần, tôi đã tịch thu được cả năm cọng sắn tầu, làm đạn bắn. Bắn vào lưng các cô đã đau lại còn rát nữa. Vì phải nghiêm túc khi rước lễ, nên chẳng cô nào dám tỏ thái độ, mặc dầu rất khó chịu. Sau ba lần cảnh cáo, bằng ánh mắt, bằng cử chỉ và bằng cách hoán chuyển chỗ ngồi, thằng Xuân rần đầu rần mặt vẫn chừng nào tật ấy. Tôi có cảm tưởng nó muốn thử sức thầy xứ mới xem sao? Thế là lễ xong, tôi nắm tay nó kéo một nước về nhà bếp, nhốt trong chuồng heo. Khoá trái cửa đàng hoàng, lên nhà thay áo rồi xuống bếp tính sổ với thằng đầu bò này. Bước xuống nhà bếp, được cô bếp vừa cười vừa chỉ chỗ: ông thầy ơi, thằng Xuân trốn mất tiêu rồi. Trước khi trèo tường chỗ này, nó còn đấm đá, biểu diễn thái cực quyền làm mấy con heo phát hoảng chạy lung tung.

Chuyện như thế mà nổi tiếng là ông thầy mới về trị được thằng Xuân. Cha xứ thì nói nó nghịch ngợm lắm đây, thầy ráng mà trị. Một tuần không thấy đi lễ, tôi tưởng nhốt nó trong chuồng heo, nó tởn, nên trốn lễ. Nhưng rồi ít ngày sau mấy cố bé kia than rằng lễ lạy chẳng đi, nó phục kích ở bụi chuối chờ chúng em đi lễ về là tấn công và ra tay chọc phá. Nó còn bé

độ 14 tuổi mà chơi cũng có trình độ ra phết. Lúc thì dùng cọng thung làm dàn lá, lúc thì kéo dây thừng qua đường làm vấp té chơi, lúc thì treo mấy loong nước trên ngọn cây, chờ mấy cô đi qua làm mưa nhân tạo chơi. Nó chạy le lắt, chẳng ai bắt được tận tay, chỉ nhìn nó chạy mà réo chửi cho hạ con bực tức. Nó rất ghét đũa nào méc ông thầy. Nó mà biết thì thế nào cũng được chiêu cố cách trọng thể đấy.

Con đường ở Cái Sắn luôn là những con đê nằm hai bên bờ kênh. Đường đi ngày ấy hơi hẹp, rộng chừng 2 mét, cộng thêm bụi chuối, bờ tre rất thuận tiện cho Thăng Xuân chọn điểm bắn phá. Một hôm tôi được mách báo cho biết chỗ thăng Xuân phục kích, một mình tôi đi sang đường phía bên kia, rồi qua cầu trở lại ngay chỗ thăng Xuân đứng. Rón rén tôi đến đằng sau mà nó chưa hay, để xem cách nó hành xử ra sao. Nó vừa giơ tay định kéo mấy loong nước trên cao đổ xuống để làm ướt áo các bà các cô, thì cùng lúc ấy tôi nắm lấy cổ nó, đẩy về phía trước và đá cho một đá, làm thăng bé chúi xuống, phát hoảng ú ớ và chuồn thẳng. Tôi hô lên và được anh chị nhà ngay bên đó kéo ra chặn đầu và túm được. Bà vợ nắm được tay nó và có dịp trả thù, chắc cũng tặng cho nó vài bạt tai. Hai tay nó bị giữ bởi hai vợ chồng này nên hết đường chống cự. Có bà con cô bác chứng kiến, chắc hả dạ mát lòng mát ruột lắm, vì chẳng có ai đứng ra xin xỏ hay bệnh vục, mà chỉ xỉ vả cho sưng cái miệng mà thôi. Còn nó thì vô cùng bực bội, vì bị bắt quả tang. Tôi bắt nó quì và xin lỗi. Nó không quì mà vung tay múa chân, vừa mếu máo vừa la rằng: vợ mày đánh tao, chồng mày đánh tao, chẳng đũa nào có quyền đánh tao. Tôi lệnh bảo nó quì, nó đầu thềm nghe, thế là một bạt tai khá nặng cân được đưa ra, dính vào mặt nó một cách đầy uy lực. Nó ôm mặt. Mắt nó toé lửa long lên xòng xọc nhìn tôi, và từ từ quì xuống. Tôi ra lệnh phải xin lỗi mọi người, hứa từ nay không được chọc gheo các bà các cô, không được trồn lể. Nó hứa sẽ không trồn lể, còn việc xin lỗi thì không. Hỏi lý do tại sao nó bảo thẳng vì mấy mẹ này hay ăn hiếp nó. Thế

là lại có cuộc hoà giải, bắt các bà các cô muốn yên phận cũng phải hứa làm hoà, sống chung hoà bình. Như thế nó mới chịu.

Khiếp thật ! Thăng Xuân mới có mấy tuổi đời mà nghịch phá có hạng. Trong hơn một năm giúp xứ, tôi chẳng bao giờ phải dùng vũ lực đánh đập đũa nào, ngoại trừ cái thăng Xuân này.

Sau hơn 10 năm có thừa, nhân dịp lễ cưới của người bà con ở xứ Tân Lập, Thủ Đức, em Xuân cũng tham dự và đã gặp gia đình tôi. Em đến chào bà cố và các em. Em tự giới thiệu và nhận xét, ngày trước con nghịch lắm, bị thầy Hiền sửa phạt, nay con đã khôn lớn và nên người. Cho con gọi lời thăm thầy. Ít năm sau, khi có dịp trở lại thăm giáo xứ Hợp Châu, kênh 5b, được biết em đã vượt biên và con tàu em đi đã bị chìm ngoài biển đông.

Tôi không ngờ em ra đi sớm quá, và cũng không quên em trong giờ kinh. Cầu Chúa cho em được sớm về hưởng hạnh phúc thiên đàng.



Một chuyến về thăm Quê Hương Việt Nam và anh chị em Khai Phá

CHUYỆN THỨ BA : ÔNG THẦY NHẬU QUÁ “CHỜ”!

Chuyện ông thầy Hiền nhậu với các cô trong tiệc cưới, đã trở thành đề tài cho cha bề trên rao báo khắp cả giáo phận. Câu chuyện đại ý như thế này.

Hoàn cảnh xã hội ngày ấy, năm 1976, vừa nghèo lại vừa đói. Các dịch vụ mua bán thường lệ thuộc vào hợp tác xã. Tất cả tài nguyên đều bị kiểm kê rất gắt gao. Di chuyển gạo lúa, xăng dầu . . . là chuyện vô cùng khó khăn. Cộng thêm với đời sống ăn uống khem khổ. Món ăn chủ lực mỗi bữa là cà ghém, mắm tôm, cũng như đối xử không thoải mái, không quảng đại, nó như có cái gì kèn cựa sợ mất ảnh hưởng xảy ra ngay tại nhà xứ. Các ông thầy khác khi giúp xứ có lương, còn tôi suốt cả năm một teng cũng không có. Muốn tiêu pha cái gì thì bị treo lơ mỏ. Và khi người ta bị dồn nén, thì hay kiếm cách giải toả. Cái sơ đẳng nhất là tổ chức ăn uống. Món ăn là mấy con cá lóc đồng được nấu cháo, chiên xù, hay hấp lá bầu. Có khi là bánh đa cơm nếp muối mè. Đôi khi là mấy con chuột đồng đem rô ty, cũng ngon đáo để. Ăn mà không uống, thì như kỳ vô phong. Nên nhớ rượu đế kênh 5b rất nổi tiếng cao độ. Uống vô là thấy ông bà ông vải, cháy miệng như chơi. Người tham dự là mấy đứa đệ tử thân hữu gần nhà thờ, tích cực kiếm mồi. Muốn đi ăn phải xin phép cha xứ và về sớm, nếu muộn sẽ bị đóng cổng.

Ngày ấy có đám cưới con trai ông trùm, và cũng là ca viên nữa. Gia đình chủ hôn mời cha xứ và tôi cùng tham dự. Mấy đứa thanh niên nháy mắt bảo tôi ra ngoài ngồi vừa mát vừa thoải mái hơn. Trong nhà chỗ danh dự nhất được dành cho cha xứ, thầy xứ, các ông trong ban hành giáo, và có cả mấy ông cán bộ xã và ấp nữa. Ngại khi ăn uống phải giữ lễ, mời mọc đủ người, nên tôi đã xin ra ngồi ở ngoài với nhóm thanh niên cho vui vẻ. Trên bàn tròn cũng có mấy cô họ nhà gái ngồi nữa. Lạ gì các cô các cậu hai họ đá nhau rồi rít. Lấy rượu làm trọng tâm để so tài cao thấp. Tôi ngồi ở giữa

thấy bọn chúng gáy nhau om tời, cũng ngại, tuy có uống vài ly, nhưng rồi tiệc cũng tàn. Kết quả là có kẻ bước đi ngả nghiêng chân thấp chân cao, có kẻ hình như còn luyện nhớ chưa muốn rời sân trường, tay cầm chai rượu mời ly từng người, có kẻ đầu gục trên bàn như chịu thua. Đế quốc nào ta cũng thắng, thế mà giờ đây ta phải chịu thua đế quốc doanh kênh 5b. Và kết quả là tôi bị mang tiếng uống rượu xay mèn, ngã đầu vào vai vào ngực các cô.

Sự thật đâu có tôi tệ đến như thế. Tôi cũng có thể giá của mình chứ. Đường đường là một thầy tu, ai lại tỏ ra lè phè như thế sao được. Gục đầu lên vai và nhất là lên ngực các cô giữa thanh thiên bạch nhật, cần gì ý bề trên, dư luận xứ bắc giáng cho cũng bề đầu bề trán, và đá văng ra khỏi nhà xứ từ lâu rồi.

Tôi vẫn tỉnh táo về nhà. Thấy mình khó chịu do mấy ly rượu, tôi ra cầu ao, ngoáy miệng cho nôn ọe ra hết. Có lẽ thấy cảnh này mà cha xứ bá cáo chãng, và cha bề trên thêm thất cho có hương vị giang hồ.

Mãn năm giúp xứ, tôi bị loại. Buồn một lúc, tôi lên gặp Đức Cha giáo phận, bày tỏ sự việc, và xin phép nếu được cho phép tôi đổi địa phận, nhưng Đức Cha không cho, bảo tôi liên hệ với cha bề trên và về Năng Gò giúp thêm năm nữa.

Vậy là sau hai năm giúp xứ, các anh em cùng lớp về đại chủng viện tiếp tục học, còn tôi ê chề ôm gói đi giúp xứ năm nữa.

Cái vết nhục này nó cứ ám ảnh trong tâm trí tôi. Tôi thấy nó có một cái gì không ổn.

* Trước hết là cách cư xử giữa cha xứ và thầy xứ. Tôi quan niệm rằng đi giúp xứ là thời gian tập luyện, va chạm với đời để trưởng thành hơn, hầu có kinh nghiệm giúp ích cho đời mục tử sau này. Chứ không phải là cách rình rập, chờ chộp để bắt lỗi. Nếu thấy sự hiện diện của thầy xứ là cần thiết thì hãy mời, còn thấy không cần thì thôi. Lắm lúc tôi có cảm tưởng mình như một gánh nặng cho cuộc sống

hàng ngày của nhà xứ, nên dễ bị phạt thẻ đỏ, dù lỗi ấy không đáng phạt: bị loại. Đau thật.

* Kể đến bề trên phải là người hiểu rõ đũa học trò của mình, còn non trẻ, chập chững bước vào đời, sống với xã hội rất nhiều khê; rồi lại phải nắm và hiểu tâm lý, tính tình của cha xứ ấy mà định liệu. Chứ đâu phải hễ cha xứ bá cáo gì, nói gì là thật, là tin ngay đâu. Có là cha giáo dạy học mới quý công dạy vất vả bao ngày tháng, và mền học trò là những tác phẩm của mình. Còn cha bề trên hình như hễ cứ thấy bá cáo có lỗi là loại ngay, chẳng thương, chẳng tiếc. Chặt, đôn đẽ hơn là vun trồng thì phải.

Hoàn cảnh của tôi là như vậy. Cũng may có Đức Cha giáo phận, người thầy, hiểu, thông cảm và nâng đỡ học trò, và tôi đã quyết tâm ở lại để phục vụ giáo phận Long Xuyên cho tới ngày hôm nay.

Kể ra đôi nét về cuộc đời của người giúp xứ như tôi, có những chuyện vui để nhớ, có những chuyện buồn để răn mình. Có lúc đêm về, nhớ lại những kỷ niệm xưa, mỉm cười với chính mình.

Như một cái bánh ngọt, gói trong tờ giấy thơm với dòng chữ xinh xinh: “chỉ dành cho

một mình thầy thôi” nhân ngày lễ lớn. Hoặc một tập lưu bút mong thầy viết vài trang ghi lại dấu ấn trong đời, khi thầy giúp xứ ở đây. Hoặc có những chuyện chảy ra nước mắt, bị cha xứ la cho, khi dẫn các em thiếu nhi đi chơi quên cả lối về. Lại có lúc bị phụ huynh các em mời lại “dạy dỗ” rằng thầy không được quá dễ dãi với chúng nó. Chuyện là như vậy: khi tham dự trò chơi lớn, tôi bắt các em trình diễn đủ kiểu, ngang dọc trái phải tám phương, thầy trò mệт phờ râu, diễn tập mà. Các em thiếu nhi gồm ấu, thiếu, nghĩa, cộng thêm với huynh trưởng hề nhau trả thù hội đồng, nhân lúc nghỉ giải lao, vật ông thầy xuống đất, khiêng bốn vó và quăng xuống mương. Đội nào hăng hái cao có thưởng. Thế là cả trăm đũa tấn công một ông thầy. Ông thầy nếu có phép biến hoá của Tề Thiên Đại Thánh may ra mới thoát khỏi. Bình thường ông thầy nghiêm nghị trông có uy lắm, nhưng khi vào trò chơi lớn, ra bộ nghiêm túc càng làm có cho chúng thêm hưng phấn hò reo mà thôi.

Vui buồn đời giúp xứ là như vậy.

Thị trấn Núi Sập, ngày lễ Đức Mẹ sầu Bi,

**Ngày 15 tháng 09 năm 2006
Khai Phá Benoit Bùi Đức Hiền**



*KP Bắc và Nam
California gặp gỡ tại
nhà Vũ Thái dịp thân
phụ Phạm Ry qua đời.*

NHẬT CÁ



Nguyễn Tâm Thường, sj

Trong mê lưới cuộc đời, tôi bắt được nhiều thứ cá. Tôi buông lưới kéo lên. Rác rưởi, cá, đất sỏi, vỏ dừa. Người ngư phủ nào cũng cần ngời nhật cá. Đời tôi quá bận rộn, tôi không có giờ. Tôi cần gấp gấp thả lưới. Tôi chỉ muốn kéo lên. Đổ cá đó, xuống chợ đời tiếp tục thả. Vì đời quá nhiều người thả lưới. Tôi sợ sẽ đi về đâu cuối ngày khi chung quanh tôi có kẻ thả lưới suốt đêm.

Tôi phải hối hả. Tôi cần gấp gấp. Tôi không có giờ ngời bên bờ nhật cá. Tôi để đó, lẫn lộn những gì kéo lên từ cuộc đời.

“Con thương, má phải về trễ đêm nay. Thức ăn má để trong tủ. Con hấp nóng rồi mấy chị em ăn trước nhé.”

Tôi vẫn thường để lại những lời yêu thương như thế. Rồi con tôi lớn dần. Chúng lớn không ngờ. Những đêm về trễ, tôi nhìn con ngủ. Cúi xuống hôn con. Mẹ ước ao có giờ cho con, nhưng mẹ quá bận rộn. Lòng tôi chùng xuống một chút se sắt. Con ngủ, con không biết mẹ mình sau một ngày thả lưới quá mệt, đang hôn con trong khoảnh thời gian, mà đối với con chẳng ý nghĩa gì, vì con đang ngủ. Tôi gắn tên cửa tủ lạnh, tôi gài trên tay cầm phen những lời căn dặn yêu thương. “Con thương, má phải về trễ đêm nay. Thức ăn má để trong tủ. Con hấp nóng rồi mấy chị em ăn trước nhé.”

Rồi con tôi cứ lớn lên, không ngờ.

Chồng tôi cũng thế. Anh phải thả lưới cuộc đời. Như tâm sự của anh viết trong ánh mắt, một lần tôi đọc. Tôi thấy trong ánh mắt anh, như nói trong tâm trạng bần khoản. Cũng chùng xuống một chút se sắt như tôi đối với con.

Em yêu dấu. Ngày sinh nhật em. Em yêu dấu.

Ngày chúng ta thành hôn. Em yêu dấu. Đáng nhẽ anh phải đưa em đi nghỉ hè, đáng nhẽ... Nhưng anh quá bận. Cuối tuần này vắng anh nhé. Công việc quá nhiều. Một project đang dang dở. Em yêu dấu.

Ai cũng bận rộn, hối hả thả lưới cuộc đời. Tôi chỉ hơi buồn mỗi khi vắng anh như thế. Có buồn, nhưng tôi im lặng chịu đựng vì tôi cũng bận rộn như anh. Cuộc đời là những rượt bắt không ngừng. Chung quanh tôi là những bàn chân hối hả.

“Con của ba! Ba tặng con món quà ngày sinh nhật.”

Đã có lần chúng tôi nói với nhau. Mình chẳng có thời giờ cho con. Thôi thì bù trừ cho chúng, chúng muốn gì em cứ mua. Chúng tôi mua quà cho con như một yêu thương đền bù. Chúng tôi lấy đồ chơi thay cho nụ hôn ôm con, lúc chúng còn bé. Chúng tôi lấy tiền bạc, quà tặng thay cho những bữa cơm chiều vắng bố, vắng mẹ, khi chúng đã lớn. Chúng tôi cũng đối xử với nhau như thế. Anh vội vã tạt vào shop mua cho tôi chiếc ví da, thay vì những phút phải đi bên nhau tâm sự. Thời gian cứ trôi xuôi lạnh lùng. Tôi cứ thả lưới và nặng nề kéo lên.

Người ngư phủ ngồi nhặt cá tốt cho vào giỏ. Sau mỗi mẻ lưới kéo lên, ông ngồi kiên nhẫn, chậm rãi vớt cá xấu đi.

Tôi không giống người ngư phủ. Tôi có nghe mùi tanh của một loài cá ươn. Tôi biết có rác, có đĩa, có củi mục trong mẻ cá vừa kéo. Nhưng tôi không có giờ.



Cha cựu giám đốc Phêrô Quý- Disneyland, CA

Năm tháng qua đi không ngờ. Con tôi bây giờ cũng như bầy cá đến tuổi lớn. Chúng dần dần bỏ bến ao, tìm đường ra sông cái. Vào đại học rồi đi xa. Đôi khi tôi thần thờ lẩn về quá khứ. Những tấm ảnh con tôi lúc lên năm, lên ba. Chỉ nhớ và thương.

Rồi một ngày chồng tôi cũng như tôi, không biết những tấm hình năm xưa chụp chung bây giờ ở đâu. Trong mẻ lưới cuộc đời, anh cũng chẳng có giờ ngồi nhặt cá tốt cho vào giỏ, còn cá xấu quăng đi. Đến một ngày tôi linh cảm vợ một nỗi lo âu, mệt mỏi và chán nản. Đó là ngày tôi vô tình nghe mẫu đối thoại:

- I love you.

- I love you too.

Chồng tôi bảo em không nên lo. Không phải chuyện tình cảm. Chỉ là công việc làm ăn của anh. Anh tiếp tục thả lưới và cứ hì hục kéo lên. Tất cả, cá tốt lẫn cá xấu. Tôi không biết rõ mình. Nhưng trong tôi dường như thấy một chút hoang vu nào đó đi về. Nỗi hoang vu khó định nghĩa. Về phía mẻ lưới của tôi, lần cuối

tôi nói với người đàn ông không phải chồng tôi.

- Anh gọi cho em về hộp thư này.

Tôi không muốn chuyện gì xảy ra cho gia đình. Tôi muốn gìn giữ hạnh phúc. Không muốn chồng tôi hiểu lầm. Tôi có hộp thư riêng, một P.O. Box. Tất cả chỉ là công việc làm ăn. Những gì tôi lý luận cũng giống chồng tôi. Và tôi tiếp tục thả lưới. Tiếp tục kéo lên tất cả. Chúng tôi giống nhau là không ai có giờ ngồi bên bờ nhặt cá xấu vớt đi. Mơ hồ lãng đãng, tôi không phân biệt được cá nào lành. Tôi yêu màu sắc của những con cá độc. Tôi không hiểu tình yêu hôn nhân chúng tôi có tiếng thờ dài từ bao giờ. Chỉ biết hôm nay, tiếng thờ dài quá mệt mỏi.

Thời gian cứ trôi, rồi đến một ngày. Những con cá ươn sinh lên mùi hôi. Rác chung với cá. Mảnh chai, vỏ dừa. Những con đĩa và những còng cua gãy nát. Tốt và xấu lẫn lộn. Những con cá lành bị nhiễm độc.

Khi chiều tàn mệt mỏi. Lúc hoàng hôn rủ nắng xuôi mùa. Những cơn mưa lộp độp kéo về, cũng là lúc chúng tôi mất nhau.

Chồng tôi ra đi với người ấy.

Tôi quay về tấm lưới cuộc đời xuôi theo loài cá khác.

Nhìn lại những bến bờ. Lời Kinh Thánh như một nốt nhạc trầm.

“Nước Trời giống như chuyện chiếc lưới thả xuống biển, gom được đủ thứ cá. Khi lưới đầy, người ta kéo lên bãi, rồi ngồi nhặt cá tốt cho vào giỏ, còn cá xấu thì vớt ra ngoài. Đến ngày tận thế cũng xảy ra như vậy. Các thiên thần cũng sẽ xuất hiện, và tách biệt kẻ xấu ra khỏi hàng ngũ người công chính, rồi quăng chúng vào lò lửa. Ở đó, chúng sẽ phải khóc lóc nghiêng rãnh (Mt.13:47-50).

Hạnh phúc không chỉ giống như chiếc lưới thả xuống biển rồi kéo lên tất cả. Hạnh phúc hệ tại ngồi bên bờ, nhặt cá xấu vứt đi. Tôi để con tôi vào đời giống tôi. Chúng đã lớn lên, học nơi tôi những mẻ lưới hồi hải. Tôi đã từng dạy chúng phải nhanh chân kéo thua trể người ta. Tôi không chỉ cho chúng ngồi bên bờ, sau mỗi mẻ lưới, nhìn kỹ, nhặt cá xấu vứt đi.

Chúng đang thả lưới. Đời đang hỏi hải. Con tôi có sẽ tự ngồi bên bờ lựa cá tốt cho vào giỏ, cá xấu thì vứt đi? Hay chúng cũng sẽ như tôi, hồi hải kéo lưới, tiếp tục gắn trên cửa tủ lờ nhẩn với các con của chúng: “Con ơi, má thương con thật nhiều. Má phải về trễ đêm nay.”

Người ta bặt rộn thả lưới.

Chẳng mấy ai có giờ ngồi bên bờ xem mẻ lưới đời mình.

Biết đâu ngày nào, người chồng của con gái tôi cũng có những lời tương tự với nó: Em yêu dấu. Ngày sinh nhật em. Em yêu dấu. Ngày chúng ta thành hôn. Em yêu dấu. Đáng nhẽ anh phải đưa em đi nghỉ hè, đáng nhẽ... Nhưng anh quá bận. Cuối tuần này vắng anh nhé. Công việc quá nhiều. Một project anh đang dang dở.

Bạn thân mến,

Đoạn khúc trên đây thật buồn. Nhưng dường như đang xảy ra. Bạn cứ ngồi bên bờ, với Chúa trong những ngày tĩnh tâm, bạn sẽ thấy những gì bạn đang không thấy. Và rồi, biết đâu bạn lại chẳng hạnh phúc nuôi tiếc vì đã không sớm ngồi bên bờ cuộc đời nhặt cá.

(Trích tập suy niệm ĐƯỜNG ĐI MỘT MÌNH, xuất bản mùa Giáng Sinh 2005)

Nguyễn Tâm Thường, S.J.

SƯỞNG NHÉ BÁC HƯNG!

Bác Chấn Hưng hôm nay hưng phấn,
Nhận bài sai về trần Trắng Tranh.
Đường ghe rẽ sóng nhanh nhanh,
Nhòa đôi mắt lão ngó quanh Ông Dèo.

Nhớ về thuở chân chèo tay chống,
Quần xắn về ống lợn đi về.
Áo tôi khắp khênh đường đê,
Hoa lau đã nở làng quê ba lần.

Đường Thục Đạo tân ngàn chẳng đặng,
Thấy xanh xanh mấy rặng mù u.
Mù u thấp thoáng sa mù,
Tình chung ý chạ khur khur sao đành.

Trống Trắng Tranh thúc nhanh mời gọi,
Cổ Giồng Riềng đã đợi từ “phia”,
Đôi chân hứng khởi theo “dzia”
Mặn này bã lạt ngày xưa nhọc nhằn...

Nghiệt



Cha Út Hưng
ngày lễ Mở Tay

Đĩa Cơm Sườn

Phạm Minh Tân (Phú)



Trời Sài Gòn vẫn còn oi bức vào những ngày đầu tháng 12 năm 1980. Ánh nắng chói chang hòa lẫn trong những làn khói đủ màu sắc thổi ra từ hàng ngàn chiếc xe gắn máy nối đuôi nhau trải dài trên con đường Lê Văn Duyệt, đoạn đường từ Ngã Tư Bảy Hiền dẫn tới bùng binh Chợ Sài Gòn. Hai vợ chồng tôi đeo thắt lưng con trai trên chiếc xe đạp cũ của chú em gửi từ dưới quê lên cho anh mượn, oằn oại leo qua những ổ gà xình lầy làm bùn đất văng lên bám đầy vào gấu quần. Cuối cùng thì cả gia đình chúng tôi cũng tới được công viên trước cửa tòa nhà Quốc Hội cũ.

Tôi đang ngơ ngác trước cảnh cũ, người mới: Tòa nhà Quốc Hội, nhà hàng Caravel, khách sạn Continental, vườn hoa Nguyễn Huệ, Tòa Đô Chính, rạp Rex...tất cả đã trở nên khá hoang tàn. Tôi đang miên man tìm về quá khứ với những kỷ niệm của tuổi học trò và một thời đi dạy học và làm công chức ở đây ... Sài Gòn đã thực sự đổi chủ rồi, chẳng còn gì nữa...

Thằng con từ ghé đá bên kia chạy tới ôm bố: ‘bố ơi, con đói bụng lắm rồi’. Hai vợ chồng nhìn nhau rồi lại nhìn thằng bé. Tôi nói: ‘lên xe bố chở đi ăn cơm’. Chúng tôi lại đeo nhau qua bên hông chợ Bến Thành tìm đến một quán cơm vỉa hè. Bà chủ vui vẻ chào và hỏi chúng tôi dùng gì? Tôi mau mắn trả lời: ‘cho tôi một đĩa cơm sườn nhiều cơm, không rau, không cà chua, không dưa leo’. ‘Anh muốn mấy đĩa?’, bà chủ hỏi? ‘Cho tôi một đĩa thôi, tôi không đói’. Vợ tôi nhìn tôi ngạc nhiên! Bà chủ đem đĩa cơm ra, tôi ăn một miếng rồi nói: ‘Em và con ăn đi, anh không

đói. Vợ tôi hỏi : ‘Anh không khỏe à?’. ‘Không, anh không đói.’. Vợ tôi cũng ăn vài miếng, vừa ăn vừa đút cho con, tôi nghiệp thẳng nhỏ đói bụng lùa một hồi là hết sạch đĩa cơm. Tôi còn đúng 20 đồng vừa đủ để trả cho đĩa cơm sườn. Hai vợ chồng lại đeo con chạy ngược đường Tư Do về phía nhà thờ Đức Bà. Tôi vừa cố đạp nhanh để băng qua đường thì một tiếng nổ làm chúng tôi giật mình. Cái lốp xe sau đã bị bẹp một lỗ khá lớn. Không còn tiền vá xe, tôi liền kêu một chiếc xích lô đạp về nhà thẳng bạn gần chợ Tân Bình mượn tiền trả và vá xe...

Tôi vừa được thả ra từ Khám Lớn Rạch Giá chưa đầy 2 tuần. Bị bắt tù về tội gì tôi cũng chẳng biết. Hơn 3 năm trong nhà tù. Mẹ và các em tôi chạy chọt khắp nơi, tốn bao nhiêu tiền của nhưng cũng chỉ nhận được những lời hứa suông. Cuối cùng vợ tôi tìm được đường giây họ chịu thả tôi về với giá 3 lượng vàng. Cả nhà tôi mừng lắm, nhưng tôi lại rất lo vì tên tôi không nằm trong danh sách các tù nhân được thả. Cuối cùng nhờ có tiền, cán bộ kêu tôi lên, trao cho tấm giấy tạm phóng thích, và vất tôi ra trước cổng khám lớn.

Không được báo trước nên tôi không có ai đón. Vợ vàng kêu xe ôm đưa ra bến xe Rạch Giá, nhưng tự nhiên tôi có linh tính: họ thả tôi vì tiền nên chắc sẽ bắt tôi lại, tôi liền đổi ý bảo bác tài xế xe ôm chở tôi tới bến xe vận tải để qua giang thay vì ra bến xe đò như đã định trước. Khoảng 4 giờ chiều, chiếc xe vận tải ngừng ở trước cửa nhà thờ Ngọc Thạch, tôi nhảy xuống, kéo sâu cái nón cối rộng vành để che mặt và bước thật nhanh về nhà. Mẹ và các em tôi nhìn tôi sững sốt (lúc đó vợ tôi đang ở quận Tân Hiệp để hỏi thăm tin tức về tôi). Mọi người thấy tôi về khỏe mạnh thì mừng lắm vì có đạo có tin đồn rằng tôi bị ho lao thổ huyết tưởng chết rũ tù rồi. Bề ngoài mọi người đều tươi cười nhưng trong lòng đều có chung một nỗi lo sợ: không biết rồi sẽ ra sao. Tôi nói với Mẹ: đừng nói cho ai biết là con được thả tù vì con sợ họ sẽ bắt con lại.

Không ngờ những suy nghĩ của tôi đã thành hiện thực. Khoảng 3 giờ đêm tôi đón xe đi Châu Đốc thăm Bà Ngoại. Vợ và con tôi đi xe sau thì 9 giờ sáng công an tới nhà tôi ở kinh B vặn hỏi đòi gặp tôi. Cả nhà đều nói tôi còn đang ở tù. Họ lục xét khắp nhà, không tìm được gì rồi bỏ đi. Tới Châu Đốc, tôi tưởng mình sẽ có được vài ngày yên tĩnh nghỉ ngơi, nhưng lại không được, như có linh tính báo trước, sáng hôm sau vợ tôi bắt tôi phải lên Sài Gòn gấp. Mới 4 giờ sáng, cả nhà đã vực tôi dậy ăn sáng. Cậu em vợ chờ tôi ra xe đi Sài Gòn để tá túc ở nhà một thằng bạn học cũ. Hai ngày sau tôi nhận được tin : Chiều ngày tôi lên Sài Gòn, một xe công an tới bao vây nhà Bà Ngoại và lục xét cả hai nhà bên cạnh để kiếm tôi. Thế là tôi đã bắt đầu những ngày lẩn trốn từ đây.



Gia đình KP Tân-Hằng

...Chúng tôi rời khu chợ Tân Bình về khu Tân Phú gần ngã ba Ông Tạ, tìm đến một người bạn hàng của nhà tôi trước đây để trình bày hoàn cảnh và xin giúp đỡ. Ông nhận lời ngay và cho chúng tôi mượn miếng đất trống cạnh nhà ông dựng lên một căn nhà lá để ở. Ông còn dặn nếu có ai hỏi thì nói gia đình đi kinh tế mới ở Định Quán chịu không nổi nên về đây tá túc. Ông Bà rất tốt, coi chúng tôi như con cháu nên chúng tôi gọi ông bà là Cậu Mợ cho thân mật.

Cậu T. là một người đạo đức, cần mẫn, tháo vác và có nhiều sáng kiến trong việc làm ăn buôn bán. Cậu cũng giao thiệp tốt với chính quyền huyện xã địa phương vì lúc đó gia đình cậu đang kinh doanh lò muối. Một buổi sáng, cậu T. hỏi tôi: ‘Anh có muốn đi làm rừng không? Ở trên huyện họ đang cần một đội khai thác lâm sản nếu anh muốn làm thì mai tôi giới

thiệu’. Thế là tôi đã được thay tên đổi họ từ đó. Sáng hôm sau, cậu dẫn tôi lên huyện Tân Bình, và sau một giờ làm thủ tục thì tôi được phát một tờ chứng minh thư với nội dung:

Họ và Tên: Nguyễn Quốc Đại, sinh ngày 1 tháng 5 năm 1948, Chức Vụ : Đội Trưởng Đội, Khai Thác Lâm Sản Huyện Tân Bình, tỉnh Gia Định kèm theo một sự vụ lệnh chịu trách nhiệm khai thác lâm sản rừng Phước Long về cung cấp cây gỗ cho nhu cầu của Huyện với lời yêu cầu các cơ quan liên hệ tạo mọi sự dễ dàng cho đương sự... Hai ngày sau cậu giao cho tôi 10 người thanh niên khoẻ mạnh với đầy đủ các dụng cụ như búa, xẻng, cưa ngắn, cưa dài, mìn , mìn, chiếu, gỏi... cùng với một ít lương khô. Chúng tôi cùng kéo nhau ra bến xe lên đường đi Phước Long bắt đầu cho một cuộc hành trình mới.

Những năm gần đây chúng tôi có dịp ghé thăm Cậu Mợ ở Cali. Các con của cậu mừng vui tíu tít hỏi thăm ‘Anh Chị Đại’ vì các em chẳng biết tên thật của tôi là gì.

Sau đĩa com sườn ở chợ Bến Thành, tôi đã thề với lòng: bằng mọi giá phải tìm đường đi vượt biên vì đó là con đường duy nhất để có thể sinh tồn, đó là con đường duy nhất để sống, và đó cũng là con đường duy nhất để nuôi gia đình. Nhiều lần tôi đã đi một mình nhưng đều thất bại, tiền mất tật mang, kinh tế gia đình đã kiệt quệ... Lần cuối cùng cũng chính cậu T. đề nghị tôi hợp tác. Cậu lo tàu bè và tài công, còn tôi thì lo kỹ thuật và bến bãi.

Các con của cậu và gia đình tôi cùng với 40 người khách đã rời cửa biển Vũng Tàu giữa trưa ngày 30 tháng 4 năm 1981. Sau 7 ngày lênh đênh trên biển cả chúng tôi đã đến được bến bờ tự do. Tạ ơn Chúa, 57 người trên tàu đều bình an và được nhập trại Paulo Bidong ít ngày sau đó.

Houston, Texas. Ngày 9 tháng 10 năm 2006

Khai Phá : Phạm Minh Tân (Phú)

BỤI TRẦN

Tuyên úy Nguyễn

Từ phi trường quốc tế Los Angeles (LAX), Nguyễn phải chuyển sang một chiếc máy bay nhỏ loại hai cánh quạt với khoảng 12 chỗ ngồi, để đi Palm Springs. Chiếc phi cơ đã bay ra hướng biển khá xa, lầy cao độ, trước khi quay vào để có thể vượt qua rặng núi San Bernadino. Từ phi trường Palm Springs, ở sườn phía Đông của rặng núi đó, Nguyễn sẽ phải đi khoảng hơn một giờ xe hơi nữa mới vào tới Trung Tâm Huấn Luyện Không - Bộ Chiến của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ (Marine Corps Air Ground Combat Center) thuộc căn cứ Twenty-nine Palms, California.

Các tuyên úy Hải Quân Hoa Kỳ phải trách nhiệm cả bốn ngành: Hải Quân, TQLC, Lực Lượng Duyên Phòng (Coast Guard) và Hàng hải (Merchant Marine). Hầu hết các tuyên úy thâm niên đều đã phải đi qua ít là ba trong bốn ngành đó. Sau mấy năm tương đối an nhàn với Hải Quân, Nguyễn đang trong thời kỳ phục vụ với TQLC, một đơn vị xe lội nước AAVs ở miền Đông Nam Hoa Kỳ. Mùa Hè năm nay, đơn vị anh được lệnh đến 29 Palms để huấn luyện sa mạc chiến. Nguyễn đã đi trước đơn vị để cùng các tuyên úy khác chuẩn bị cuộc tập trận cho lữ đoàn 23 thuộc sư đoàn 4, gồm khoảng gần 5 ngàn TQLC với đầy đủ các đơn vị yểm trợ khác như chiến xa M1A1, AAV, xe thám báo loại nhẹ, pháo binh và không quân riêng của Hải Quân và TQLC.

Máy bay vừa vượt qua rặng San Bernadino thì viên phi công đã nghiêng cánh chuẩn bị đáp, anh ta cũng không quên giới thiệu ngôi nhà của danh hề Bob Hope với cả



Tuyên Úy Tùng bên chiếc ... 'Humvee'

cả sân golf riêng của ông đang hiện rõ qua khung cửa sổ máy bay. Nguyễn đã từng nghe danh của nhân vật nổi tiếng này khi ông cùng phái đoàn “ủy lạo chiến sĩ” (USO) đến Việt Nam vào những dịp Giáng Sinh trong thời chiến tranh Quốc-Cộng. Riêng Nguyễn, anh chỉ thấy Palm Springs như một ốc đảo, nằm sát sườn núi, cạnh một sa mạc mênh mông (Mojave Desert), và mừng tượng đến những ngày huấn luyện nóng bỏng sắp tới trong sa mạc này.

Trung Tá tuyên úy trưởng của lữ đoàn đã có mặt ở phi trường để chờ đón các đồng nghiệp của ông. Nguyễn và sáu tuyên úy nữa, đến từ những nơi khác nhau, đã được ông cùng đưa về Camp Wilson, doanh trại hậu cứ của cuộc “hành quân,” nằm bên trong căn cứ 29 Palms. Từ phi trường, xe anh đã băng qua đường I.10, tiếp tục theo đường 62, qua Morongo Valley, Yucca Valley, và Joshua Tree, trước khi vào thị trấn 29 Palms. Qua khỏi cổng chính của căn cứ, xe rẽ trái và đi khoảng 5 miles nữa mới tới Camp Wilson. Trong khi đi đường, tuyên úy trưởng Seelig đã tóm tắt tình hình (brief) của cả cuộc huấn luyện cho các bạn. Bọn anh sẽ phải phân tán ra các đơn vị để chăm sóc tinh thần cho binh sĩ. Ngoài hai tuyên úy đến với các đơn vị phản lực và trực thăng, số còn lại được chia theo trách nhiệm

hiện có của mỗi người, chẳng hạn các tuyên úy tiêu đoàn thì sẽ phải về với đơn vị của mình. Nguyễn phải trách nhiệm cả hai đơn vị xe lội nước AAV và tăng M1A1 Abrams.

Đã quen thuộc với đơn vị của mình nên Nguyễn quyết định đến đóng trại với đơn vị thiết giáp. Vác ba lô vào khu trại, nơi sẽ trở thành hậu cứ cho hàng chục chiếc thiết giáp M1A1 thời danh trong trận chiến vùng Vịnh (Persian Gulf) năm nào, Nguyễn đã liên tưởng đến những câu chuyện “nhận đơn vị mới” của các bạn bè năm xưa bên quê nhà. Khác một điều là khi đó các bạn của anh đang trong chiến tranh; còn anh, hiện tại chỉ đang là “tập trận.” Nguyễn được viên thượng sĩ thường vụ chỉ chỗ lều riêng của anh, chiếc lều bạt nhỏ, chia làm hai “buồng”, bên ngoài có thể kê được chiếc bàn và vài cái ghế; bên trong rộng đủ để chứa được hai người với hai chiếc giường gấp, loại thông dụng như của quân đội VNCH. Các binh sĩ sẽ nghỉ trong những chiếc lều lớn hơn, có thể chứa được cả trung đội, dĩ nhiên là họ không được hưởng “privacy” như các sĩ quan. Cũng như Nguyễn, viên thượng sĩ thường vụ đã đến trước với một số y tá, cả đơn vị sẽ tới vào hôm sau.

Đêm nay, lần đầu tiên trong đời, Nguyễn ngủ một mình trong căn lều bạt giữa sa mạc mênh mông, nơi vùng đất hoàn toàn xa lạ. Trời trở lạnh thình lình, Nguyễn kéo zipper của chiếc túi ngủ đến tận mũi, nhưng vẫn còn lạnh. Gió thổi bần bật, anh đứng dậy, vạch màn lưới, với tay tháo giầy buộc để thả các miếng bạt chung quanh lều. Con lạnh sa mạc thật đặc biệt, hình như gió vẫn còn lùa vào lều, qua các kẽ hở, chui vào tận bên trong túi ngủ của anh! Trong giấc ngủ chập chờn vì con lạnh, anh tưởng như mình còn nằm trên chiếc giường gấp ở trại tị nạn năm xưa...

Sáng hôm sau, Nguyễn trở lại khu nhà nguyện; dựng rất đơn sơ, lợp tôn, không trần; để hợp với các tuyên úy và các hạ sĩ quan phụ tá. Mọi người đều ngạc nhiên với con lạnh trái mùa. Nhưng bọn Nguyễn không phải chờ lâu,

chỉ vài hôm sau, cơn nóng thực sự của sa mạc mùa Hè đã trở lại. Nóng dữ dội, nóng khủng khiếp, nóng “không tha thứ” cho những ai “lỡ” để hở một phần da thịt của mình cho nắng phủ lên. Ngay cả phần dưới cằm, nếu không thoa “sun blocker” thì sức phản chiếu của nắng từ cát bốc lên vẫn đủ làm cháy da! Từ khoảng 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều, nhiệt độ trung bình luôn được ghi nhận từ 115 đến 120 độ F (khoảng 49 độ C). Ngày nào cờ hiệu cũng mang màu đen, ám chỉ nhiệt kế đã lên đến trên 115 độ và cảm tập thể dục ngoài trời.

May cho bọn Nguyễn là gần nhà nguyện, có một nhà ăn mang tên “Desert Warriors’ Club” (câu lạc bộ cho các dũng sĩ sa mạc) được trang bị máy lạnh. Thỉnh thoảng bọn Nguyễn phải chạy qua đó, uống ly nước để tránh cơn nóng thiêu người này. Một hôm, trong lúc uống nước, Nguyễn nhận thấy ba TQLC ngồi ở bàn gần đây là người Á Đông, anh bước qua hỏi chuyện. Thì ra họ là những người được chỉ định phục vụ trong đơn vị hỏa đầu quân. Các đơn vị “hậu cần” ở trong các lều của đại doanh trại được ăn cơm ba bữa, tại một nhà ăn lộ thiên che bằng lưới nguy trang, do ban hỏa đầu vụ nấu. Những đơn vị đóng ở ngoài mặt trận (field) phải dùng các gói thực phẩm MRE (Meal Ready to Eat, mà các TQLC gọi đùa là Meal Rejected by Ethiopians, có ý nói thức ăn dở quá đến cả dân đang bị đói ở Ethiopia cũng chê!) Thực ra các gói thực phẩm này được chuẩn bị rất công phu, đầy đủ dinh dưỡng, và khá nhuận trường; có đủ các món chính (hoặc gà, bò, heo...) với gói hâm nóng (để gói chính vào, đổ thêm nước, hóa chất bên trong sẽ tự động hâm nóng gói thức ăn đó trong vòng vài phút.) Cộng thêm các món phụ như crackers, cà phê, trái cây (loại đóng hộp), bánh tráng miệng, đường, tương ớt... và cả giấy vệ sinh nữa! Mỗi quân nhân được phát ba gói mỗi ngày, Nguyễn không thể ăn hết, nhưng với những quân nhân còn trẻ, ba gói xem ra chỉ vừa đủ.

Ba anh TQLC trong ban hỏa đầu vụ, một người Mỹ gốc Hoa sinh ra ở San Francisco,

cấp bậc hạ sĩ; người thứ hai, Mỹ gốc Việt đến từ Chợ Lớn, trung sĩ; và người thứ ba, hạ sĩ, đến từ Rạch Giá. Hai người đến từ Việt Nam biết nói tiếng Việt, nhưng người đến từ San Francisco thì không. Nếu dùng tiếng Hoa thì Nguyễn và người đến từ Rạch Giá không hiểu được, thế nên cả bọn đã dùng tiếng Anh để nói chuyện. Họ cho Nguyễn biết lý do gia nhập TQLC là để sau này có học học bổng (Montgomery G.I. Bill) tiếp tục học lên đại học.

Nguyễn lái câu chuyện về quá khứ của hai người đến từ Việt Nam. Họ là những người vượt biên, đến Mỹ chưa tới 10 năm. “Như vậy các anh đã học tiểu học ở bên nhà?” Nguyễn hỏi. “Dạ đúng rồi, Tuyên Úy” anh trung sĩ đáp. Rồi anh ta quay qua khoe với anh bạn đến từ San Francisco, “Mày biết không, tao đã từng là học sinh gương mẫu, mang khăn quàng đỏ!” Nguyễn mỉm cười, nghĩ đến những “kỳ duyên” trong cuộc đời. Lát sau người hạ sĩ đến từ San Francisco đứng dậy đi mua thêm nước, Nguyễn hỏi đùa anh trung sĩ bằng tiếng Việt: “Thì ra ‘đồng chí’ đã từng là ‘cháu ngoan bác Hồ’ đấy à?” Anh ta bẽn lẽn chữa thẹn: “Thôi mà, Cha!” Nguyễn cũng cười xòa với họ. Để được gia nhập quân lực Hoa Kỳ, chỉ hàng sĩ quan mới cần có quốc tịch Mỹ và bằng cử nhân; hàng binh sĩ, chỉ cần “thẻ xanh” và tốt nghiệp trung học là đủ.



Hôm sau, Nguyễn tình nguyện lên xe tăng “ra trận” với đơn vị. Cả đơn vị, đến từ San Diego, đã tỏ ra rất thích anh, vì ít khi có tuyên úy nào hòa mình với họ như vậy. Hai giờ chiều, đoàn thiết giáp trong màu cát sa mạc chuyển mình rời căn cứ, họ đã di chuyển khoảng trên 20 dặm trong một địa hình rất khó khăn và phức tạp (có ý tạo ra để huấn luyện.) Nguyễn được mời đứng ở một trong hai vị trí trên pháo tháp, nơi có khẩu đại liên 30. Vị trí bên kia, có cây đại liên 50, do một trung sĩ nhất trưởng xa đứng. Anh đã cẩn thận mặc áo giáp, nón sắt, thắt lưng dã chiến (web gear) với hai bi-đồng nước như mọi người, nhưng anh đã quên một điều rất quan trọng: găng tay! Dưới sức nóng 120 độ F ngoài trời, nhiệt độ trên thành của chiếc xe “bọc sắt” đã tăng lên đến độ nóng bỏng. Chẳng thế mà trong thời đệ nhị thế chiến ở sa mạc Sahara, Bắc Phi; các binh sĩ Đức đã “trắng trứng” trên thành xe tăng của họ. Chiếc thiết giáp lắc lư nghiêng trái, ngã phải, chúi đầu tới trước, lật ngược về sau như đang lên cơn điên! Không thể bám vào thành xe, Nguyễn đành khoanh tay cao, để mặc cho chiếc chiến xa đưa đẩy. Cũng nhờ có cái áo giáp hộ thân, chứ không thì bộ xương sườn của anh chắc đã gãy vụn! Qua máy liên hợp, người trưởng xa thương hại bảo Nguyễn ngồi vào trong xe cho đỡ cực, nhưng anh không chịu và vẫn muốn đứng “ngoạn cảnh.” Lát sau, đoàn xe tiến vào nơi hoàn toàn có cát nhuyển, gây bụi mù trời. Nguyễn móc khăn tay nguy trang buộc lên mặt để đỡ phải hít bụi. Viên trưởng xa nói đùa: “Đừng có xỉu trên xe tôi nhen, Sir!” Nguyễn không trả lời, nhưng ra dấu bằng cách nắm tay lại, chỉ ngón tay cái lên trời, ý nói anh cứ yên tâm, tôi không sao đâu.

Đoàn xe tăng đến mục tiêu thì trời đã về chiều. Các thiết giáp được dàn ra theo địa hình phòng thủ. Không bỏ lỡ cơ hội huấn luyện, các hạ sĩ quan đàn anh đã qui tụ cấp dưới lại để chỉ thêm kinh nghiệm cho họ. Trong binh chủng TQLC Hoa Kỳ, trường đào tạo hạ sĩ quan đã hoàn toàn do các hạ sĩ quan đàn anh giảng dạy. Truyền thống này vẫn tiếp tục ngay cả khi họ

đang ở “chiến trường.” Nguyễn đã đi thăm từng nhóm, khen ngợi và tỏ lời khuyến khích họ. Sau bữa cơm tối, dĩ nhiên là bằng MRE, viên trưởng xa nói với Nguyễn: “Xin nhường chỗ nghỉ danh dự nhất cho tuyên úy, đêm nay.” Đồng thời anh ta chỉ cho Nguyễn phần mặt phẳng của pháo tháp, ngay bên trên khẩu đại bác 120 mm.



Tuyên Úy Nguyễn chào già từ Iraq

Trái túi ngủ trên pháo tháp của chiếc M1A1, cũng là lần đầu tiên trong đời anh được hưởng kinh nghiệm này! Hơi nóng trên xe vẫn còn âm ỉ nên anh chưa thể đặt lưng xuống được, Nguyễn ngồi dậy nhìn ra chung quanh. Vài TQLC đã bắt đầu phiên gác. Một số khác đang châu đầu với nhau tán gẫu, thỉnh thoảng họ phá lên cười ra vẻ thích thú lắm. Nhưng cuộc vui của họ không thể kéo dài vì họ phải nghỉ để có sức cho ngày tập trận hôm sau. Anh tài xế đã nằm dài trên phần mặt khá bằng phẳng dưới pháo tháp và ngay trước vị trí của tài xế, vị trí này có thể trải được hai túi ngủ cho hai người, nhờ pháo tháp đã được quay ngang. Người xạ thủ đại bác nằm ngang trong phần sau của pháo tháp, anh ta đang tận dụng chút ánh sáng cuối cùng trong ngày để đọc đoạn Kinh Thánh. Một trong năm ngàn cuốn Kinh Thánh bỏ túi mà các tuyên úy đã phát miễn phí cho họ trước đó. Người trưởng xa, dường như đã có sự chuẩn bị trước, đem theo một chiếc giường gấp, đặt trên cát để nghỉ qua

đêm. Nguyễn nghĩ, nếu anh ta muốn nhường chiếc giường gấp đó cho Nguyễn, chắc chắn anh sẽ từ chối. Thứ nhất, Nguyễn muốn được hưởng kinh nghiệm “ngủ trên pháo tháp xe tăng.” Thứ hai, vùng sa mạc này có rất nhiều rắn độc (rattle snakes) và bò cạp; anh không muốn nằm quá gần mặt đất!

Thế rồi như một sự xếp đặt nhiệm màu dành riêng cho Nguyễn, vàng trắng 16 vừa lú dạng bên trên đỉnh núi. Trong khung cảnh tịch mịch hoàn toàn của đêm sa mạc hoang vu, ánh trăng như gần gũi hơn với Nguyễn. Vào những năm chiến tranh chưa trở nên khốc liệt ở bên nhà, anh và các bạn đã vui hưởng ánh trăng tương tự khi chèo thuyền, thổi sáo trên giòng sông Hậu hiền hòa. Ành trăng thanh bình năm ấy đã chưa bao giờ trở lại; vì trăng năm nay, tuy có hòa bình nhưng thiếu hẳn tự do trên miền đất quê hương yêu dấu đó! Nguyễn nghĩ đến Hạnh, thiếu úy thiết giáp M.48 và là người bạn cùng lớp thuở thiếu thời. Trận mùa Hè đỏ lửa 1972 diễn ra khi Hạnh và đơn vị của anh đang hoạt động trong vùng Gio Linh, địa đầu giới tuyến. Lúc Hạnh được lệnh rút thì đã quá muộn, các cầu phía Nam đều đã bị giập sập, anh phải ra lệnh bỏ xe, sau khi đã nhân nút tự phá hủy hệ thống điện để những chiếc tăng trở thành bất khiển dụng. Kế đó anh và các bạn cố rút về Quảng Trị, nhưng không may, anh bị địch quân bắt và hai lần bị đọa đày, cả thảy đến gần bảy năm trời. “Hạnh ơi, đáng ra anh phải được nghỉ trên chiếc ‘giường’ danh dự này mới đúng,” Nguyễn nói thâm trong đầu... Bầu trời sa mạc không một gợn mây, ành trăng sáng quá, Nguyễn phải kéo phần túi ngủ che lên mặt mới có thể đi vào giấc ngủ với nhiều mộng mị...

Sáng hôm sau, thiếu tá chỉ huy trưởng đơn vị thiết giáp nói với Nguyễn; “Tuyên úy lên đòi với tôi, xem tụi ‘con trai’ đánh đấm. Và lại, nếu để ông đi với họ, lỡ xảy ra chuyện gì thì ‘vất vả’ cho tôi lắm.” Nguyễn đã hiểu nổi ưu tư của người chỉ huy. Đòi với TQLC Hoa Kỳ, điều tôi ký với họ là để mất cờ đơn vị, kể đến

là để cho tuyên úy hay sĩ quan quân y của họ thiệt mạng. Chỉ huy trưởng của họ có thể bị tử trận, vì đời lính chiến, da ngựa bọc thây, sống chết là lẽ thường; nhưng lá cờ là danh dự của họ, và tuyên úy là tinh thần, là biểu tượng niềm tin của họ, họ không thể để mất đi. Trong cuộc chiến ở Việt Nam, một tuyên úy TQLC, linh mục đại úy Vincent Capodanno, thuộc tiểu đoàn 3, lữ đoàn 5 đã tử trận. Đầu tháng 9 năm 1967, đơn vị của ông được tung vào vùng thung lũng Quế Sơn để lùng một trung đoàn CSBV vừa đột nhập vào khu vực. Thay vì đi chung với bộ chỉ huy tiểu đoàn, tuyên úy Capodanno đã xin đi với đại đội M. Đại đội lọt ổ phục kích của địch, ông đã vội vã rời vị trí tương đối còn an toàn của ban chỉ huy đại đội để giúp các TQLC thuộc trung đội 2 bị thương. Ba lần, ông thành công kéo các binh sĩ bị thương về vị trí an toàn, cũng như ban phép xức dầu cho những người sắp chết. Lần thứ tư, khi tiến lên lần nữa, một quả đạn súng cối đã nổ gần ông. Mặc dù bị trúng nhiều mảnh đạn và bị thương ở cánh tay và chân, ông vẫn tiếp tục giúp nhiều thương binh khác. Cuối cùng, chính viên y tá của trung đội cũng trúng đạn; tuyên úy Capodanno đã cố kéo anh ta về vị trí an toàn và dùng thân mình để che chở cho anh. Nhưng địch quân đã nhìn thấy ông và quay nòng súng đại liên về phía đó. Ông chết với 27 phát đạn trên mình. Để ghi nhớ sự dũng cảm của người tuyên úy, sau này quốc hội Hoa Kỳ đã trao tặng huy chương Danh Dự cho ông (post-humously), huy chương cao quý nhất của quân lực Mỹ. Bộ Hải Quân cũng dùng tên ông để đặt cho một hộ tống hạm, chiếc FF-1093 (đã chuyển giao cho HQ Hi Lạp khoảng năm 1992.) Được huy chương Danh Dự là một vinh hạnh cho toàn đơn vị, nhưng cả binh chủng TQLC đã rất buồn vì họ lỡ để cho một tuyên úy của họ tử trận.

Những chiếc xe tăng lồng lên như những con tê giác dũng mãnh, chúng có thể vọt tới với tốc độ 50 miles một giờ. Cùng lúc đó, nòng súng đại bác 120 mm có thể bắn liên tiếp hai phát đạn vào hai mục tiêu khác nhau, những

chiếc tăng cũ, xa đến 3 cây số. Máy nhắm đã được vi tính hóa và bắn qua màn ảnh radar, phát đạn thứ hai không cần phải nhắm lại, súng cứ tự động quay về hướng mục tiêu. Nếu người xạ thủ, vì lý do nào đó không khai hỏa được thì người trưởng xạ, trong vị trí của anh ta có thể bắn thay. Ở cuộc tập trận này, toàn bộ bom, đạn đều “thật” cả. Có hai loại đạn trên xe tăng, một loại xuyên phá và một loại tàn phá. Loại xuyên phá, khi được bắn ra khỏi nòng súng sẽ tự động tách rời khỏi phần “vỏ” bên ngoài để chỉ còn hình dáng như một cây đinh đường kính khoảng 40mm. Viên đạn này có thể xuyên qua pháo tháp tăng T.72 của Nga Sô, dày khoảng 150mm, và tiêu diệt các nhân viên bên trong. Loại đạn tàn phá sẽ làm công việc còn lại: hủy hoại hoàn toàn những chiếc tăng, không cho địch quân có cơ hội sửa chữa và tái sử dụng chúng.



Sau trận chiến vùng Vịnh, các nước Ả Rập như Saudi Arabia, Kuwait... đã muốn mua lại những chiếc M1A1 được quân đội Mỹ sử dụng, nhưng chính phủ Hoa Kỳ đã lịch sự từ chối và nói rằng sẽ làm những chiếc tăng mới cho họ. Phe Ả Rập vẫn thiết tha muốn mua những chiếc tăng đã đánh bại tăng T.72 đó, khiến người Mỹ đã phải nói thật: “Vỏ tăng của chúng tôi được chế tạo với hợp chất có pha uranium cạn (depleted uranium) cứng hơn tất cả các loại vỏ tăng khác trên thế giới. Chúng tôi không muốn một ngày nào đó, trở lại chiến trường này và phải đối diện với những chiếc

tăng mạnh tương đương với những cái chúng tôi đang có! Nếu quý vị muốn, chúng tôi chỉ có thể bán cho quý vị cùng loại tăng, nhưng vỏ sẽ phải yếu hơn một chút.” Hiện tại, bộ binh Mỹ đang dùng loại thiết giáp tân trang M1A2, và họ đang nghiên cứu một loại tăng mới có sức “tàng hình” (hiện lên rất nhỏ trên màn ảnh radar.) Trong khi đó, TQLC cũng sắp dùng loại xe lội nước mới mang tên AAV (Advance Armored Attack Vehicle), có sức “lội nước” rất nhanh và được thả cách bờ biển xa hơn, thay vì chỉ vài hải lý như những chiếc AAV hiện tại. Vận tốc và sức chiến đấu của các xe lội nước mới này trên đất liền cũng mạnh ngang với những chiếc thiết giáp.

Sau khi trở lại “hậu cứ” vài hôm thì Nguyễn được cùng với tuyên úy Seelig tháp tùng đại tá chỉ huy trưởng lữ đoàn dùng trực thăng bay “quan sát chiến trường.” Anh phải thăm cảm phục khả năng nguy trang của TQLC Mỹ, chiếc trực thăng chỉ bay ở cao độ vài trăm thước, nhưng anh đã không thể nhìn thấy các đơn vị đang đóng rải rác ven những vách núi. Họ đã sử dụng các lưới nguy trang rất hữu hiệu. Căn cứ 29 Palms khá vuông vức, mỗi chiều dài đến trên dưới 30 miles, (diện tích khoảng gần 1000 dặm vuông) với những rặng núi đá hình nan quạt, rất thuận tiện cho việc huấn luyện sa mạc và không-bộ chiến cũng như dùng bom đạn thật.

Sau hai tuần huấn luyện, “D-Day” (ngày khởi đầu cuộc đổ bộ, hay trận chiến) đã đến. Nguyễn không được đi với các thiết giáp của mình mà phải nhập với bộ chỉ huy tiền phương của lữ đoàn. Theo lý thuyết hành quân, bộ chỉ huy này có thể sẽ bị tấn công bằng hơi độc nên mọi người phải đeo mặt nạ hay giữ nó kề kề bên mình cả ngày! Không mấy hứng thú! Cuối cùng Nguyễn đã được phép cùng đi với ông tuyên úy của đơn vị pháo binh. Bọn anh (hai tuyên úy và hai phụ tá) đã ra “mặt trận” từ chiều hôm trước để có thể thăm viếng các pháo đội. Anh đã kịp dâng hai thánh lễ cho hai đơn vị (đúng như tinh thần quân đội Mỹ trước khi lâm chiến.) Một thánh lễ dưới lưới nguy trang

và bàn thờ là những thùng đạn chồng lên nhau. Lễ thứ hai, trời đã tối, Nguyễn phải dùng đến bốn cây nến “hóa học” (không có lửa, nhưng chỉ do tác dụng hóa học gây nên ánh sáng) mới đủ để đọc sách.

Ban chiều, thượng sĩ thường vụ đã đưa một anh lính đến giới thiệu với Nguyễn: “Sir, xin giới thiệu ‘Mr. Nguyễn’ này nữa.” Thì ra trong đơn vị có một anh PFC (binh nhất) cũng họ Nguyễn. Anh vui vẻ chào thăm và lát sau, khi chỉ còn hai người, anh đã hỏi người lính bằng tiếng Việt: “Ồ bên nhà, anh thuộc tỉnh nào?” Người binh nhất của binh chủng thiện chiến hàng đầu trên thế giới, TQLC Hoa Kỳ, đã cho Nguyễn một ngạc nhiên: “Dạ, gia đình ‘cháu’ đi từ Hải Phòng!” Đúng vậy, anh đã cùng bố mẹ và gia đình vượt biên từ hải cảng nổi tiếng đó ở miền Bắc. Lại thêm một kỳ duyên! Một “cháu ngoan” đích thực đã được đổi đời, Nguyễn nghĩ. Anh ta chỉ quen với lối xưng hô quân đội bằng Anh ngữ, nên khi lúc Nguyễn hỏi bằng tiếng Việt, anh xưng “cháu” là “lễ độ” lắm rồi!

Nhìn vào khẩu đại bác 155 mm loại mới, trông nhẹ hơn cây ‘đầu bạc’ cũ nhiều, nhưng Nguyễn vẫn không ‘phục’ mấy. Anh hỏi viên trung úy pháo binh đứng gần đó: “Trong thời chiến tranh ở Việt Nam, tầm xa của loại súng này đã không bằng các khẩu 130 mm của NVA (quân đội C.S. Bắc Việt), tại sao các anh còn dùng nó nữa?” Viên trung úy mỉm cười: “Sir nói đúng, nhưng hiện tại chúng tôi đang dùng các loại đạn mới, có thể đương đầu được với tất cả các loại đại bác do Nga hay Trung Cộng chế tạo. Loại đạn mới này có hai tầng, sau khi ra khỏi nòng súng và bay được khoảng 15 cây số, đầu đạn sẽ tự động khai hỏa tầng thứ hai và tiếp tục bay đi như một hỏa tiễn hơn 15 cây số nữa. Lại có một loại đạn khác do tia laser điều khiển, người ‘đề-lô’ có một máy phóng tia sáng laser nhỏ, chỉ bằng cặp sách tay, tia laser chỉ vào đâu là đạn bay vào đó, khỏi cần phải điều chỉnh hay bắn trái khỏi trước!” Anh ta tiếp: “Nhưng các loại đạn này ‘hơi’ đắt, gần 30 ngàn đô-la một trái!” Nguyễn thầm nghĩ: “Có

thể chứ, địch có thể pháo ta, mà ta không phản pháo được thì hỏng to còn gì! Nhưng giá một quả đạn, bằng giá một chiếc xe hơi loại tốt, kể cũng đắt thật! Thảo nào các sĩ quan trong bộ chỉ huy lữ đoàn đã kháo với nhau rằng cuộc tập trận này tốn đến hơn 120 triệu mỹ kim!”

Trên chuyến bay trở lại với “thế giới văn minh,” Nguyễn suy nghĩ mông lung. Anh thầm cảm tạ Ôn Trên đã cho nước Việt được hòa bình; nếu không, những thanh niên Việt Nam anh gặp có thể đã phải đối đầu với nhau như những kẻ thù ở một chiến trường nào đó: Trị-Thiên, Tam Biên, hay miền đồng bằng sông Cửu? Nhưng được hòa bình mà thiếu tự do thì nền hòa bình ấy đã hoàn toàn chưa? Có đúng với ước vọng của toàn dân là được “Quốc thái, Dân an” không?



Lễ bàn giao

Anh không tin là những người thanh niên Việt Nam đã gia nhập TQLC, binh chủng “đến trước, về sau” (First to fight, Last to leave) vất vả và nguy hiểm trăm chiều; chỉ với lý do tìm học bổng. Anh muốn nghĩ rằng họ đã gia nhập TQLC vì cái hào hùng, cái đặc biệt của binh chủng này đối với những người trai trẻ. Hơn nữa, có thể còn một lý do xa hơn, Nguyễn nhớ có lần đã xem một phim nói về TQLC, “A Few Good Men.” Trong phim đó, một luật sư đã hỏi người bạn đồng nghiệp của mình: “Tại sao chị lại thích lính TQLC như vậy?” Người nữ luật sư trả lời rằng, tôi thích họ vì họ đã ôm súng,

đứng trên bức tường canh gác và nói với tôi: “Chị hãy nghỉ yên đêm nay, không ai có thể làm hại chị, trong phiên gác của chúng tôi!” Những thanh niên nam, nữ người Việt đang phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ chắc chắn đã biết rằng họ không chỉ chiến đấu cho riêng họ hay cho quốc gia Mỹ, nhưng còn cho chính gia đình họ và hơn triệu đồng bào Việt Nam khác đã nhận sự tiếp đón rộng rãi của đất nước này. Nền dân chủ và sự tự do, đôi khi đến quá lớn ở Hoa Kỳ, không phải là những món quà tặng miễn phí, những điều tự nhiên sẵn có. Chúng đã và đang được gìn giữ bởi mồ hôi, bởi nước mắt, và nếu cần, bằng máu của trên hai triệu quân nhân đang trấn đóng rải rác khắp thế giới. Nguyễn muốn nghĩ rằng những thanh niên nam, nữ người Việt phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ, cũng đang bông súng trên bức tường đó và nói với đồng bào mình rằng: “Bà con hãy yên tâm vui hưởng tự do, dân chủ; đừng lo sợ vì đã có chúng tôi đây!” Riêng với Nguyễn, anh nghĩ rằng những người con của Mẹ Việt Nam ấy cũng rất đáng được hưởng sự chăm sóc tinh thần bởi chính những tuyên úy đồng hương của họ. Bộ Quốc Phòng Mỹ đang nghiên cứu để có thể nhận thêm các tuyên úy Phật giáo, như họ đã thực hiện đối với Do Thái giáo và gần đây là Hồi giáo.

Nguyễn nhìn qua khung cửa sổ máy bay, trong bầu khí lặng gió của mùa Hè, cả thành phố Los Angeles như đang bị che phủ bởi một đám mây khổng lồ, màu đất. Anh buột miệng: “Bụi trần!”

Tuyên úy Nguyễn

*Nhà thờ
Du Sinh,
Đà Lạt*



MẸ QUÊ.

Bùi Nghiệp

Thôi là hết,
 Mẹ đã chết.
 Hiu hắt dòng sông,
 Tan tác cánh đồng.
 Trăm năm phù thế, thương thương thân cò lặn đạn.
 Một cõi trần ai, héo uá xác vạc long đong.

Khi xưa:

Chào nhân loại, trang nữ nhi nước Việt,
 Nhập giống nòi, dòng lịch sử Lạc Hồng.
 Câu huấn tử chi sơ, thấm nhuần từ thai dưỡng!
 Chữ giáo nhi trứng nước, nhân thức tại cung lòng.
 Bà rủ rỉ, cũng nằm lòng câu tứ đức,
 Ông ngâm nga, nên rằm rắp chữ tam tông.
 Không chữ nghĩa mà thông ca vè kim cổ,
 Chẳng lớp trường lại thạo kinh hạt ngoài trong.
 Thập phân lằm nhằm: đo- đong- cân- lượng.
 Bấm đốt ngón tay: xu- các- hào- đồng.
 Chẳng gắm- vóc- nhiều- điều tô dáng vẻ,
 Chỉ vôi- trầu- cau- vò thắm khuôn dung.

Mười sáu tuổi, xuất giá vu quy về tổ nội.
 Đầy một năm, tòng phu thai nghén trẻ đầu lòng.
 Ru ru – rín rín!
 Bé bé - bông bông!
 Tay đưa võng, à ơi bóng ngủ!
 Chân đạp xa, quay nhíp đánh vòng.
 Đồng sâu đồng cạn, mạ gánh lon ton, đầu khăn mỏ quạ,
 Chái bếp hiên nhà, ù ù xay thóc, cánh áo nâu sồng.
 Sáng bèo trưa cám, rổ sảo khoai, quần xắn móng lợn!
 Tối giã trưa xay, nia mẹt gạo, đáy thắt lưng ong.
 Thúng mủng chợ phiên, đồng quà tấm bánh.
 Kéo cà quang gánh, be rượu chiều chông.
 Nhịn miếng giữa làng, tiếc chi tiệc từng đình xã,
 Cam sàng xó bếp, chiu chất miếng ngọt tọc dòng.
 Lăn lội quần chi mưa nắng.
 Tảo tần nào ngại gió đông,

Sinh con:

Cưu mang chín tháng, kiêng khem kham khổ.
 Bú mớm ba năm, mạch sữa cạn dòng

Nào những lúc: trái gió trở trời, cơn đau cơn ốm.
 Nọ những khi: thay mưa đổi nắng, trúng nước trúng phong
 Ôm con đỡ, lòng đau xót muối.
 Ấm trẻ thơ, dạ rối bông bong.
 Trán hấp nóng, hào bạc trứng gà đánh cảm.
 Lưng sây rôm, hương nhu bồ kết lau cùng.
 Ngăn linh kinh: Áo bạc- thần sa- linh đan- chánh khí,
 Chái um tùm: Mền trâu- rau má- kinh giới- xương xông.
 Tiệm thuốc bắc, thang đồng ấu: sinh - cam -thục – táo.
 Hiệu lang tàu, chứng tiểu nhi: hoàn - tán - cao – đơn.
 Ngày tắt tả, dầm mưa giải nắng.
 Đêm mất chong, áp lạnh quạt nồng.

Ngờ đâu:

Cơ trời vận nước.
 Lửa dậy gió bùng.
 Ai khơi chinh chiến, chia hai miền Nam Bắc?
 Ai mở phân tranh, cắt nửa ngã non sông?
 Thương thay con đỡ, lia xa quê cha đất tổ.
 Thảm thiết dân đen, bá biệt mồ mả tộc dòng.
 Hai bàn tay trắng.
 Một cuộc cờ không.
 Vai quang gánh, cha dất anh ly hương ly tán.
 Nách rách mang, mẹ diu chị bỏ xứ bỏ đồng.
 Cơn bĩ cực, đong đầy cam khổ.
 Hồi thái lai, voi bớt nguồn cơn.
 Lại lập nghiệp, phát hoang- đào ao- đắp thổ.
 Lại khởi công, cha cày- mẹ cấy- vun trồng.
 Vách đất mỏng, đã ngăn ngừa khi chướng khí.
 Mái rạ thưa, cũng che chở lúc oi nồng.

Đến ngày:

Con khôn lớn, thân phồng phao chân nhảy.
 Mẹ già nua, mắt mờ đục lưng cong
 Ghi giỗ chạp, giấy rách giữ lễ, mâm cơm thịnh soạn,
 Nhớ tết tư, đất lề quê thói, thịt lợn bánh chưng.
 Con nhảy múa tung tăng cùng xóm ngõ.
 Mẹ nhìn vui khắp khỏi với làng thôn.
 Con đi học, nhập trường chân khép nép.
 Mẹ nhìn qua, khe vách dạ phập phồng.
 Từng câu chữ ê a, khai tâm hồn con trẻ,
 Mỗi văn bài ra rả, mở trí tuệ nhi đồng...
 Ngày qua - tháng lại!
 Xuân – hạ - thu – đông.

Chuyến tàu máy đưa con lên tỉnh học,
 Ngọn đèn chai tay mẹ tiễn run run.
 Giọt nước mắt cổ cầm nơi ngấn mẹ.
 Quầy hành trang phơi phới tự lòng con.
 Tinh mẫu tử chất đầy trong rương gỗ,
 .Sao lòng con , nhẹ tênh bước thong dong.

Thế giới mẹ, chính vườn rau- liếp cà tím mẩn
 Bầu trời con, là núi biếc- sông rộng mênh mông.
 Mẹ vò võ, táo tần thất lưng buộc bụng.
 Con thênh thang, bay nhảy thỏa chí vừa lòng.
 Cầu ao soi bóng, xác già nua héo hắt.
 Bóng vách đèn khêu, hình bà lão lom khom.

Hỡi ôi:

Nào những tưởng, yên hàn êm ấm,
 Có ngờ đâu, tai ách thê lương.
 Súng lại nổ, què chìm loang khói lửa.
 Đạn lại rơi, đất lở loét lẫn bom.
 Ụ lô cốt hổ hàm ngăn pháo kích.
 Rào kẽm gai, bao cát tránh ca nông...
 Sông ngâu đục, bo bo - ca nô - tàu thủy.
 Đất lở loang, tàu bò -xe pháo - cam nông.
 Đường cùng sinh tử.
 Lối cuối tồn vong.
 Bao trai tráng xếp bút nghiên, thì thôi ba liều bảy lĩnh!
 Bao cha anh rời cây cuốc, đành nhẽ một mất một còn.
 Mẹ lặn lội, theo hành quân tìm con trẻ.
 Mẹ lần mò, đổi lính tráng đến thăm con.
 Đường xa dịu vợi,
 Cách trở quan sơn.
 Trường cải tạo ngục tù lao lý.
 Chốn lao công cá chậu chim lồng.
 Ngôi nhà vắng điệu hui thân cô quạnh
 Lối ngõ buồn héo hắt bước chân đơn.
 Ngày ngóng đợi, lâm râm lần chuỗi hạt.
 Đêm trông chờ, van vái đáng chí tôn....
 Rồi cũng lúc đoàn viên hội ngộ.
 Phải đến kỳ gạn đục khơi trong.

Thương thay:

Chiều hôm nắng quái.
 Bóng ngả ngô đồng.
 Chẳng báo đáp, công ơn cù lao chín chữ,
 Chưa đền bù, ân nghĩa cúc dục nghìn trùng.
 Lá về cội, một đêm sương nhẹ hắt.
 Nước xuôi nguồn, một khắc gió thu không.
 Một mẹ dốt, nuôi mười con vương vấn.
 Mười con khôn, dưỡng một mẹ đầu tròn.
 Đàn cháu dại, nhớ bà đai vành khăn trắng.
 Lũ con thơ, thương mẹ ứa lệ đôi dòng.
 Trăm năm phù thế hề viên mãn!
 Một cội huyền già về tổ tông!
 Lòng đau ruột thắt,
 Nhớ mẹ khôn cùng...

Bùi Nghiệp.
(Tháng năm, ngày của mẹ)

Đặc Sản

Joseph Vũ, San Dimas

Hôm ấy, con Lan và con Hường trong barrack 170 trộn gói đặc biệt cho con Lorraine của phái đoàn Canada ăn. Lạ miệng, con Lorraine ăn hết một bát gói đây, loại bát gỗ khá to dành cho người tỵ nạn. Khi biết được gói có thịt ba rọi và tai heo cắt mỏng, con Lorraine vội tìm chỗ nôn ọe hết mọi thứ trong bụng ra. Nhưng nó không giận, chỉ nói: ‘Sorry. It’s good, but I can’t’. Con Lan và con Hường thì ôm nhau cười khúc khích. Người tỵ nạn trong barrack nghe chuyện thì bàn tán ‘Tội nghiệp con nhỏ không biết ăn lỗ tai heo’. ‘Tai heo luộc chín, bóp dấm ngon chớ’. ‘Làm nó giận, nó bác đơn tỵ nạn thì nguy đó’. Con Lorraine luôn vui vẻ, bình dị và thương người tỵ nạn lắm, không kể là người Việt Nam, người Miên hay người Lào.

Thằng Tom, con ông mục sư Fleming cũng vậy. Không nói được tiếng Việt như bố, nhưng Tom rất gần gũi với giới trẻ trong trại tỵ nạn, không phân biệt người Công Giáo hay người Tin Lành, đặc biệt là trung tâm thanh thiếu niên và trung tâm sinh ngữ. Mỗi tuần Tom ‘đi chợ’ Singapore một lần, trung tâm Thanh Thiếu Niên bao giờ cũng gọi mua một số hàng như giấy đàn guitare, bóng ping pong, bóng rổ, áo t-shirts... Tom mua đầy đủ mọi thứ như đã ghi trong giấy và dĩ nhiên chẳng bao giờ trung tâm phải trả tiền cho Tom cả. Tom rất hòa đồng, nhưng mỗi lần ban nhạc trẻ mời ăn trứng vịt lộn hay khô mực thì anh chàng sinh viên năm thứ ba đại học Denver này đều cười đỏ mặt rồi lắc đầu từ chối nguây nguẩy.

Đó là chuyện ở trại tỵ nạn Galang I, Indonesia vào những năm 1980.



Đặc sản

Nam Cali

Từ trại tỵ nạn Galang I, tới đến California định cư năm 1981. Lúc bấy giờ muốn mua một chai nước mắm thì phải mướn xe buýt đến chợ Việt Nam mới tìm được. Các đại siêu thị của Mỹ như Lucky, Alpha Beta... thì lúc đó còn chưa bán gạo và mì ăn liền, nói chi đến các thực phẩm hiếm khác như tương, nước mắm, hay cá bông lau, lòng gà hoặc đuôi bò... Tuyệt đối không hề thấy những thứ này trong các chợ Mỹ.

Hai mươi năm sau, khi sang thiên kỷ 21 thì mọi sự đã khác. Bấy giờ nếu bước vào trong chợ Albertson, có nhắm mắt người ta cũng tìm được bao gạo nếp hạt dài, còn nếu ghé chợ Ralphs thì có bịt mũi người ta cũng ngửi thấy mùi tương ớt ăn phở. Còn chân heo, cá rô phi, tim gan gà... thì hầu như đã đầy trên các quầy lạnh của siêu thị bên cạnh những king crab Alaska và tender loin London rồi.

Không biết ngày nào người Mỹ mới biết ăn mít tươi, sầu riêng tươi, vú sữa tươi... nhưng phở, cơm chiên, và chả giò thì đã trở thành những món khoái khẩu của con cháu nhà Chú Sam từ lâu. Không biết ngày nào họ nhà Sam mới biết ăn tiết canh vịt, dồi chó thui, lòng lợn luộc, chứ súp măng cua và súp chua ngọt thì các teens Mỹ đã húp dài dài.



Thế đấy, văn hóa nhà bếp đi nhanh hơn văn hóa sách vở rất nhiều. Tớ chưa thấy em Mỹ trắng nào ngồi đọc truyện Tấm Cám hay truyện Kiều, nhưng đã từng thấy các em cầm đũa gắp mì xào rất nhuyễn. Nhiều chàng Mỹ đen chưa biết Việt Nam ở mô trên bản đồ thế giới, nhưng đã mê egg rolls và spring rolls còn hơn mê hot dogs. Có lần tình cờ nghe được tiếng kèn Saxo của T. L. với bài Hạ Trắng của Trinh Công Sơn trên làn sóng The Wave 94.7 địa phương, tớ bèn mua Paris by Night tặng cho mấy đứa bạn Mỹ gọi là giới thiệu văn hóa Việt Nam. Đứa nào cũng chỉ xem qua và khen ‘con gái Việt Nam đẹp’. Chẳng mấy ấn tượng, nhưng mời đi ăn phở thì cả bọn trèo lên xe nhanh lắm..

Tớ đi hơi xa rồi, bây giờ trở về với đặc sản.

Tự điển Việt Nam định nghĩa đặc sản là gì tớ không biết, nhưng qua các bài báo và phóng sự thì tớ tạm hiểu đặc sản là là các món ăn rất đặc biệt của một dân tộc hay của một miền địa dư nào đó chẳng hạn Rượu Cần của người Thượng Đà Lạt, Mắm Bò Hóc của người Miên ở Sóc Trăng, Mắm Tôm của người Miền Bắc, và Mắm Ruộc của người Miền Nam...

Những năm gần đây thì Việt Nam có nhiều đặc sản mới mang tính chất quý hiếm, kỳ bí, và độc địa... Người ta còn thêm cho nhiều đặc sản tác dụng bồi dưỡng sức khỏe nữa, nhất là tăng cường khả năng tăng tinh dục cho phái nam. Tớ nghĩ đó chỉ là một huyền thoại kinh tế, nhưng vẫn thích đọc những bài phóng sự loại này. Mới tuần trước, tờ Người Lao Động trong nước tường thuật một quán nhậu trên Sông Hương thơ mộng có món đặc biệt là cho thực khách uống rượu pha nọc rắn độc. Nọc rắn chứ không phải máu rắn đâu nhá. Rắn Hồ Mang và rắn Cạp Nong thứ dữ chứ không phải rắn Rái Cá hay Bông Súng hiền lành đâu. Nọc lại được lấy ra từ miệng rắn ngay trước mặt khách nữa. Ghê thật. Tay chủ quán còn hù dọa: phải pha rượu đúng công thức, đúng đô và đúng độ. Và uống cũng phải uống đúng điệu không thì uống

vào là ngủm luôn.

Tớ không nghĩ sẽ có ngày uống rượu nọc rắn để tăng cường sinh lực, nhưng vẫn thích ăn các đặc sản khi có dịp.

Anh chàng Vũ H. bạn nổi khổ của tớ ở San Jose hay ngợi khen mật rùa: ‘Mật rùa rất tốt. Bà H. nhà tao đau lưng lái xe không được vậy mà ăn được hai cái mật rùa là khỏe re, đi làm neo tuần bảy ngày, ngày 10 tiếng cũng không sao. Không tin chúng mày cứ thử mà xem’.

Thế là có dịp tớ từ Los Angeles bay qua New Orleans gặp một anh bạn tên Nguyễn Đ. là dân Phú Quốc chuyên nghề sửa radar cho tàu đánh cá. Khách hàng lạ thì trả công thợ Đ. radar bằng tiền tươi, còn khách quen thì có thể trả bằng rùa sống và cua sống. Nếu cua biển không đủ thì thêm một giỏ ghe hoặc một rổ cua đồng(craw fishes) là xong. Đôi khi chủ tàu có radar hỏng cần phải sửa gấp còn biểu thợ Đ. radar một khúc đuôi cá sấu mới ra ràng nữa. Cho nên lâu nay thợ Đ. radar hay khoe: ‘Tao sống giai và sung được là nhờ những thứ này đây’. Nghe tớ sang chơi và tỏ ý muốn thử rùa nên thợ Đ. ta đã nuôi sẵn 6 con rùa, chẳng biết trông hay mái. Chỉ biết: ‘Tao nuôi cả tháng nay rồi, cho nó uống sữa tươi cho mập và ăn ớt để thịt nó ngọt và thơm’.

Chiều hôm ấy một thằng bạn nổi khổ khác của tớ tên Nguyễn T. mãi từ Phila đánh hơi thấy mùi rùa cũng có mặt rất sớm. T. nỏ cũng còn gọi là T. tục được giao công tác đốt than. Louisiana tháng 8 vừa nóng vừa oi bức, nhưng có mỹ nhân tên T. A. là cô vợ mới toanh của thợ Đ. radar luẩn quẩn với nụ cười rạng rỡ và giọng nói dẻo ngọt như mẹ L. nên trời đất như cũng dịu lại. ‘Chú ơi, con chỉ chú nè, chú phải ‘quạt thang’ như dzây...thì lửa mới lớn...’. Nguyễn T. mót ăn rùa nên phùng mang trợn mắt thổi lửa phù phù không biết mệt. Tớ đốt thuốc đứng nhìn làn da trắng mịn của T. A. mới từ Việt Nam sang mà nhớ lại cách nuôi rùa của chàng thợ Đ.: ‘tao nuôi bằng sữa

tươi...bằng ớt...’.

Than hồng vừa đủ, T. A. dịu dàng đưa tay bồng hai chú rùa lên và đặt nằm ngửa trên hai lò nướng. Hai chú rùa vươn dài cổ, giơ tay giơ chân lên trời cầu cứu một cách tuyệt vọng. ‘Trời ơi mi là rùa, còn thằng bạn ta là dân mê rùa chứ đâu phải tổ phụ dân Israel. Chịu vậy đi’. Thấy rùa ngo ngoe tứ ớn quá quay đi chỗ khác. Còn T. A. thì vô tư lấy vung úp lại. Tiếng sột soạt lúc đầu còn mạnh sau yếu dần rồi im luôn. Khi than bắt đầu tàn thì mùi thơm thịt nướng bay lên, và T. A. lại dịu dàng bưng rùa lên bàn.

Đại tá tuyên úy T. kinh nghiệm ăn rùa nên ra tay chia tim, gan, ruột, đầu, giò, cẳng rùa cho từng thực khách tùy theo nhu cầu sức khỏe và sự ham mê...ăn rùa. Tứ được cái mật. Còn đang ngại ngùng vì sự ớn của bạn bè và ớn cái mật nướng xanh lè đang chảy lem nhem trong đĩa thì T. tục đã khuyến khích ‘bỏ lăm đấy, ăn đi bác ạ’. Chẳng biết hấn thương tứ thật hay ngầm ý ‘chê thì đưa đây’. Tứ sợ mất mật rùa như ngày xưa mất chuỗi ở tiểu chủng viện nên ăn ngay. Mà ngon thật, thơm thật. Ấm chân răng và ngọt vô cùng. ‘Mỗi ngày mà thợ Đ. chơi một con...rùa như vậy thì còn gì bằng? Radar nào hư chắc cũng phải lạnh thôi.’ Thêm một ngụm Hennekein là cái mật rùa như trôi hẳn vào mật tứ và bao tử rùa cùng phối phèo rùa dính với mật cũng tan biến theo. Tứ nhớ lại truyện Mật Rắn của Nguyễn Dậu mà cười thầm thích thú.



Đại hội Khai Phá II, New Orleans

Ngồi nhìn T. nỗ tay rùa tay bia hí hửng chầm chầm mút mút mà niềm vui xum họp bề bạn trong tứ phát lên bùng bùng. Thật còn gì sướng hơn nữa: Rượu ngon, Rùa thơm, và Bạn thân.

Xong tiệc rùa, tứ thấy trong người cũng rất bình thường, và vì không mắc chứng đau lưng nên tứ cũng không thấy khỏe hơn ra. Chỉ buồn ngủ một tí. Nhưng hiệu quả trực tiếp của tiệc rùa hôm ấy là phải mất gần hai tiếng đồng hồ mới bò ra đến phi trường New Orleans. Xa lộ kẹt cứng ngắc, xe nhúc nhích chậm còn hơn con rùa ốm. Lại quên cả cái máy chụp vì tiếc miếng đuôi rùa, làm mấy nhóc nhỏ đi theo cần nhân sự trẻ chuyển bay.

Đây là truyện rùa. Còn truyện rắn thì thằng em bà con tứ chỉ môi: ‘Anh bị yếu tim hở. Để em điện thoại dặn bố em ngâm cho anh hai hũ rượu rắn hổ mang là xong ngay. Ông xuôi của bố em ở Long Khánh chuyên trị rắn. Bố em hỏi trước hay bị đau bụng, uống một bình rượu rắn của ông ấy là hết luôn’.

Bà chị tứ còn bên Việt Nam thương thằng em việt kiều có tí tuổi sắp về chơi cũng dành sẵn... một ít rắn loại độc. Thằng cháu rể của tứ là dân buôn hàng hiếm thứ thật từ U Minh về Sài Gòn hàng tuần nên cũng dễ tìm... những mật hàng độc này.

Trời Cái Sắn thì nóng và muối Cái Sắn cũng bự con, đông, và hỗn láo không thua gì muối U Minh. Quạt trần được bật hết ga để vừa đuổi nóng vừa đuổi muối, và nhang hương cũng được cắm khắp các cửa để chuẩn bị bữa tiệc rắn.(Muối chằng mấy cũng chảy nước mắt vì khói nhang).

Đến giờ, chị tứ vui vẻ bung lên một thò cháo rắn to, khói bốc nghi ngút. Đúng thật là cháo rắn trăm phần trăm rồi vì từng khúc rắn đen ngòm dài cỡ gang tay đang nổi mậ mờ trên mặt cháo bên cạnh những hành ngò xanh xanh. Thấy vậy, tứ nghĩ ngay đến những con đại xà anaconda đang lẩn mình dưới lớp bèo để

phục kích mỗi trong những khu rừng Nam Mỹ. Tim tớ tự nhiên đập nhanh hơn bình thường cũng phải mười mười lăm nhịp. Thật, tim yếu mấy mà nhìn thấy cháo rắn kiều này cũng phải đập mạnh, cũng phải đập nhanh thôi. Mẹ tớ xưa nay vẫn khiếp và ghét loài bò sát như lươn và rắn nên chỉ lượn qua, nhìn một cái thật nhanh rồi lui vào phòng, chẳng nói câu nào vì sợ thằng con việt kiều khiếp không dám ăn và sợ con gái ‘đầu búp’ buồn.

Vừa ‘làm đầu’ xong thì thằng cháu rề lại hí hửng ôm lên một bình rượu to: ‘Ba con nói rượu rắn Hồ Mang hết rồi. Cho cậu uống đỡ rượu rắn Hồ Ngựa trước’. Ghê quá, trong bình rượu là một con rắn màu vàng nhạt to gần bằng cổ tay được cuộn tròn nhiều vòng, trông tựa tựa như con rắn râu béo vào mùa nước lũ đang nằm ngửa đầu giả bộ nhắm mắt chờ con cá rô bơi qua là tấp ngay. Hơn hai mươi năm rồi, tớ vẫn thù loài rắn hồ ngựa này vì có lần đi làm rẫy bên Đầu Doi, tớ bị một con hồ ngựa to bằng ngón chân cái tấn công làm tớ chạy không kịp kéo quần. Rượu cũng đã ngả sang màu hơi nâu tựa như rượu ngâm cao hồ cốt. Thương việt kiều thêm rắn, chị tớ thì múc cho tớ cháo rắn hồ mang, còn cháu tớ thì rót cho tớ rượu rắn hồ ngựa. Hai mặt giáp công tớ chẳng biết đường nào cản được nữa, chỉ ngồi im ngắm nhìn những ĐỘC SẢN đồng quê. Rượu có mùi gậy gậy, còn cháo thì có mùi thơm như cháo cá. Thằng cháu tớ còn giải thích: ‘Rượu này ngâm chưa đủ ngày, nhưng uống cũng được cậu ạ. Không tốt bằng hồ mang, nhưng trị ngứa và nhức mỏi hay lắm. Dzô cái đi cậu’. Eo ơi. Rượu rắn ngâm chưa đủ ngày!!!. Thấy bị tấn công phủ đầu, chị tớ can: ‘Thôi để cậu ăn cháo đã’. Tớ không những không sợ mà còn thích cháo rắn nữa, nhưng chị tớ quê mùa mộc mạc để nguyên khúc rắn dài cong queo trong bát thế kia làm sao mà ai dám ăn. Nhắm mắt tớ nuốt hết bát cháo rồi đi tìm mấy con cá sặt mẹ chiều lúc trưa còn lại để dần bụng bằng một tô com nguội.

Thấy tớ không mấy hồ hởi với rượu rắn, mấy đứa cháu cũng không dám mời nữa. Hai đứa



Quán nước bên đường

cứ rù rì vừa khen rượu ngon vừa chuyển cái cốc con qua lại cho nhau.

Bữa tiệc có việt kiều nên nhiều truyện kể: truyện ngày xưa ăn rắn xào, ăn cóc kho, ắn đế nướng, ắn cào cào rang, ắn bông súng, ắn củ co, ắn ngó sen, ắn liềng liềng... Toàn những đặc sản. Đến khi tàn tiệc thì hai thằng cháu đã nằm ngay đơ trên sàn nhà, miệng há hốc, gáy khô khô. Nhìn hai đứa ngủ lã, tớ phải công nhận rượu rắn công hiệu thật: vừa uống xong rượu là hai thằng đã hết hẳn đau nhức mình mẩy và chẳng còn ngứa ngứa gì cả, nằm ngủ như chết. Thiên đàng ngay trên sàn gạch giữa đàn muỗi vo ve với mùi rượu rắn thoang thoảng. Ngày mai tỉnh dậy, chắc hai đứa lại phải uống thêm rượu rắn vì cái lưng lại mỏi sau một đêm ngủ trên sàn nhà. Và rượu rắn lại có dịp... công hiệu nữa.

Thấy yên ắng, mẹ tớ bước ra, ghé tai tớ nói nhỏ: “Đừng nghe chúng nó mà ăn uống rắn con ạ. Mai mẹ dẫn đi cắt thuốc bắc mà uống”.

Thuốc bắc. Lạy Chúa tôi. Tớ già thật, nhưng chưa lão mà. Phải theo bạn bè vui chơi thêm tí nữa chứ. Mấy thuở được về Việt Nam.

Con đường từ Rạch Sỏi về Rạch Giá tớ thấy có khoảng hơn 10 quán dịch vụ Internet, gần 30 tiệm buôn bán xe gắn máy, gần 40 quán cà phê, gần 100 quán ăn quán nhậu lớn nhỏ, và chắc phải đến hơn 1000 người bán vé số. Còn những phòng tắm hơi, đám bốp tắm quất thì tớ không để ý đếm. Lòng đường thì không rộng, nhưng có cả chục len mỗi bên. Chẳng thấy lần

vẽ chia ‘len’ nên xe đạp, xe hơi, xe gắn máy cứ vô tư chạy chung với nhau. Đoạn đường này về đêm nêu nói theo những người thích từ ‘vô cùng’ thì phải nói là ‘nhộn nhịp vô cùng’ hoặc ‘vô cùng nhộn nhịp’. Chẳng phải Giáng Sinh hay Phục Sinh mà đèn xanh đỏ cũng chớp tới chớp lui, cũng chạy lên chạy xuống. Chắc ít nhất cũng phải sáng bằng một con đường nhỏ ở Las Vegas chứ không chơi. Đi qua đây, tớ cũng thấy sáng khoái và lòng yêu thế gian cũng phải tăng ít là vài độ F.

Số tớ hên nên hay gặp bạn hiền và nhất là bạn ăn. Vợ chồng Nguyễn Th. & L. thì vốn ở Rạch Giá. Còn vợ chồng Hoàng Kangooro (gu-ru) & Wallaby thì mới ở Úc về. Đề ‘yên lòng đi nhậu’ bọn tớ kéo nhau vào thăm thăm bạn tên Phạm T. đang nằm trong nhà thương trước. Thật tội quá, về Việt Nam năm 2000 thằng Phạm T. còn thức suốt đêm cụng ly với tớ ở nhà Nguyễn Th.. Bây giờ đã nằm co quắp một mình. Gặp bạn bè, nó cố ngồi dậy than: “Mệt lắm. Không thở được. Mệt lắm.”. Mới qua tuổi 50 mà phổi của nó đã có vấn đề to. Không biết đó là hậu quả của những ngày vinh quang đạp xe lôi theo định hướng xã hội chủ nghĩa hay vì chất độc màu Da Cam hồi nó đi dạy học ở vùng kinh tế mới. Ngày xưa Phạm T. là một cầu thủ bóng chuyền khá nổi của trường. Thời mỗi người có một phần số. Biết sao được.

Vợ chồng Nguyễn Th. & L. dẫn cả bọn vào một quán sân vườn rất rộng. Trời mưa khá to mà khách đã ngồi kín các bàn. Bọn tớ phải chọn bàn ở cuối sân gần nhà vệ sinh. Trời mát hơn một tí nhờ mưa.



*Công Tam
Quan, Rạch
Giá*

Cô tiếp viên trong bộ đồng phục màu xanh da trời với cái áo để hở một vai và hở gần đến ngực bước tới tươi cười giới thiệu: “Bữa nay tụi em có chuột đồng nướng vỉ. Lẩu dê tiềm thuốc bắc. Lẩu trứng bò...”. Nguyễn Th. xem ra không mấy vui: “Vậy không có vú nướng sao cô?”. “Dạ, bữa nay tụi em hết vú rồi.”. Nghe vậy, tớ muốn cười phì, nhưng mới gặp Wallaby lần đầu nên kìm giữ miệng, chỉ nhìn xuống chân cô tiếp viên rồi nhìn mưa đang rơi ngay bên cạnh bàn ăn.(quán sân vườn mà). Hoàng gu-ru lên tiếng: “Vậy còn lẩu trứng bò là cái gì?”. Cô tiếp viên cười: “Dạ là lẩu... trứnnnnngggg... của con bò”. “Bò làm gì có trứng?”. “Dạ bò có trứng chớ anh”. Wallaby hiểu nhanh đưa cùi chỏ húc Hoàng gu-ru rồi ghé tai giải nghĩa. Hoàng gu-ru hiểu ra cười hô hô. Cô tiếp viên như được người cứu, đưa tập thực đơn che miệng. Cô đi rồi tớ mới hỏi Nguyễn Th.: “Vậy vú nướng là vú gì mà bác khoái vậy Th.?”. “Là vú heo ấy mà”. Thì ra thế. Nãy giờ cô tiếp viên đứng đây làm tớ tưởng tượng sai hoàn toàn. Sai cả về món ăn và cách ăn.

Người Việt Nam ta cũng ốm ở và tinh xảo (không phải xảo) thật. Vú heo nướng thì chỉ gọi là vú nướng cho ra chiều khêu gợi, sêch-xý. Chắc là để quyến rũ đám thực khách nam tò mò tìm đến chẳng? Còn lẩu trứng giá bò thì lại gọi là lẩu trứng bò cho bớt phần thô tục. Chắc là để cho các thực khách nữ bớt ngượng khi bước vào chẳng? Dẫu sao thì quán ăn này mà mở ở Mỹ chắc phải để một cái bảng to ngoài cửa là RATE R hoặc ít nhất là RATE PG 13. Không thì bị phạt nặng.

Theo ý của L., Th. ta gọi món Dê Tiềm Thuốc Bắc.

Cô tiếp viên bụng nổi lẩu dê cháy phùng phùng đi qua hàng chục dãy bàn trước khi đáp xuống bàn của bọn tớ. Nhìn cô mà tớ ái ngại cho đôi guốc cao gót gặp nước mưa trơn thì khổ, nhưng hình như cô đã kinh nghiệm. Mùi dê ở bàn tớ hợp với mùi dê từ những bàn chung quanh bốc cao lên trời làm cơn mưa

tạnh hẳn. Tiếng lộp độp từ mái tôn cũng ngưng làm cho tiếng nói của Wallaby trong trẻo hẳn ra. Lầu Dê Thuốc Bắc ở Rạch Giá hôm nay lại còn được cho không một giò trứng gà độ chục cái. Không biết đây là thực đơn chính thống hay là từ ngày Việt Nam có H5N1 người ta mới chế thêm ra để câu khách. Nhìn thấy trứng gà tớ nhớ ngay lời dặn của vợ trước khi lên máy bay: “Đề phòng kỹ đấy, trứng gì cũng đừng ăn”. L. định đập trứng gà vào nồi lẩu để cho âm dương hòa hợp. Tớ thấy hơi ái ngại, nhưng không dám nói thì Wallaby đã lên tiếng thay “Chúng em không ăn trứng đâu chị ạ”.

Cảm ơn Wallaby vừa thông minh vừa khéo miệng đáo để.

Lầu dê với bia Sài Gòn không thấy phê, Nguyễn Th. vời cô tiếp viên đến nói nhỏ. Th. nói nhỏ gì với cô tiếp viên tớ không nghe. Chỉ biết một lúc sau cô mang ra một xị rượu trắng trong ‘chai xă-xị’ nút bằng lá chuối khô đang hoàng. Th. giải thích: “Rượu giải dê thứ thiệt”. Tớ thấy rượu cũng trong suốt, chẳng thấy cái giải dê nào ở bên trong, cũng chẳng có dấu hiệu gì đục đục của giải dê. Hoàng gu-ru háo hức theo Th. cạn 1/3 ly rồi chuyển sang cho tớ gật gù : ”Ngon, Ngon”. Tớ cạn sạch ly mà cũng chẳng hề thấy mùi giải dê tí nào, chỉ nghĩ đến giọt thuốc rầy Toxine cực mạnh làm rượu trong vắt thôi. Tuy vậy, đức tin của L. xem ra mạnh lắm, chắc không thua gì đức tin của ông thánh Toma: “Mình không thấy, nhưng rượu dê này tốt lắm. Thằng Đ. về Việt Nam lần nào tụi em cũng cho nó uống. Nó ghiền lắm”.

Tớ không nhớ L. và Wallaby có uống rượu dê không. Chỉ nhớ Nguyễn Th. kể là ngài Lê Ch. Cùng lớp 64, dân gốc kênh F pháo cũng đã về đây mở quán dê, nhưng độ dê trong quán của ngài không hợp với tầm vóc người đất biển nên đã dẹp quán.

Rượu dê, lầu dê chưa đủ...dê, Nguyễn Th. gọi thêm món dê nướng vỉ. Thế là các yếu tố Kim, Mộc, Thủy, Hỏa được cân bằng với dê. Hơi hơi xin, không còn nhìn rõ thịt dê dưới ánh

đèn mờ, nhưng tớ tin tưởng nãy giờ mình đã ăn gần đủ một con dê: đầu, mình, đuôi, và cả giải dê rồi...



Còn phải lái xe về Kênh 8 nên Hoàng gu-ru không dám cưa hết xị rượu. Rượu còn thừa, L. xin cái bao ny-lon ruôn sang đưa về cho Nguyễn Th.. Chắc đã có kinh nghiệm nên đức tin của L. có vẻ đáng ... tin: rượu giải dê tốt nên Viagra và Cialis Made in Shanghai trong nước ta rẻ mạt

Đi ngang khu bếp tớ thấy một lồng chim gồm nhiều loại to bé khác nhau. Trông thấy khách chẳng con chim nào hót chào mà chỉ thay nhau chửi bới inh ỏi. Phía dưới là một lồng khác trong đó có mấy con tắc kè còm nhom đang đeo tông teng trên lưới thép, mấy con rùa thì đang ngủ gục dưới nước, mấy con rắn hổ đất thì đang ngong đầu chẳng biết để dọa khách hay để câu cứu. Không thấy chuồng dê, cũng chẳng thấy con dê nào lảng vảng. Tớ chợt nghĩ “biết đâu mình đã ăn lợn, ăn thỏ, hay mèo tiêm thuốc bắc, và đã uống rượu ngâm cò chó không chừng?”

Tớ vẫn không tin thần dược dê, nhưng phải công nhận bữa tiệc dê ngon và thân tình thật. Ngồi trên xe taxi về nhà Nguyễn Th., tớ thấy bụng ấm hẳn lên và thấy các cô choai choai vẩy ngấn trên những chiếc gấn máy đi sát bên cạnh đẹp và quyến rũ lạ thường. “Giá mình có được mãi mãi tuổi.. ba mươi...lăm thì...”. (Không phải Mãi Mãi Tuổi Hai Mươi đâu)

Còn một đặc sản khác tớ không thể bỏ qua không kể. Đó là Đặc Sản Tình Bạn.

Tớ đã khai triển cách biến chế và cách thưởng thức đặc sản tình bạn này khá dài, nhưng rồi lại xóa đi vì muốn để các bạn tớ tự mình ngẫm nghĩ.



Tòa Giám Mục Long Xuyên

Tháng trước, tớ đi học ở San Diego và được công ty Oracle đãi ăn Sea Food Cocktail. Nhìn ly cocktail hải vị với những thân sò huyết sống hình dạng kỳ cục xám ngắt với những con tôm sống đỏ tươi đã lột vỏ trộn lẫn nước cà chua, chanh, rau ngò, và ớt Mễ cùng với nước đá bào tớ cũng ớn. Đặc sản mới lạ mà

không có sẵn Pepsibismol trong khách sạn thì cũng phiền đây, nhưng ném thử lại thấy ngon. Nửa ly, rồi một ly. Hai ly rồi ba ly. Tớ làm luôn bốn ly với hai chai Tequilla.

Sea Food Cocktail ngon quá sức. Lại hiệu nghiệm nữa vì hôm sau đến lớp học tớ toàn phải nhờ partner làm bài giùm.

Bạn nào đã ăn đặc sản Tình Bạn chắc sẽ tiếp tục ăn chứ? Bạn nào chưa ăn, xin mời ném thử.

Đặc sản không thể là thuốc tiên, không cần thiết để nuôi sống con người, nhưng nếu bỏ qua thì đời mất đi nhiều thú vị và thi vị.

***Sống trên đời mà không có bạn.
Súng trên bờ mà đạn dưới ao.***

Tớ rất sợ người không có bạn, nhất là các linh mục và tu sĩ không có bạn.

***Không có bạn thì còn tạm hiểu được.
Nhưng tránh bạn thì là có vấn đề. Và
tránh bạn hiền thì vấn đề trở nên rõ to.***

Joseph Vu, San Dimas 07/27/2006



Những Ân Sư một Thời và một Đời.

Những Mảnh Đời

T. Đen

Việt Nam đổi thay , cuộc đời nó cũng thay đổi, cuộc sống nổi trôi như lục bình , không có tương lai , ngã ba đường đời, biết đi về đâu !!

Bánh mì

Chưa có cái nghề nào lại vất vả như cái nghề này, từ chập tối đã hi hục cho đến sáng, chiếc lò nướng hừng hực như hỏa ngục, luôn lỏi cơn nóng vào từng ngõ ngách cuộc đời.

- Mày trộn xong chưa?

- Xong cái búa.

- Xong lẹ, để tao còn về thăm thằng nhỏ chứ?

- Mẹ khi, thương con thì ít, thương đít mẹ thì nhiều!!

- Du côn!

Quên sao được những tháng năm chật vật ấy ,cùng thằng bạn cũ, nó lao vào đủ mọi thứ nghề, thượng vàng, hạ cám, trai kiêu bách nghệ mà.

Mồ hôi con, mồ hôi cha thi nhau vã xuống , hai bàn tay nhào đồng bột khổng lồ, bột Canada trắng tinh, bột mì Pháp thơm phức, trộn thêm bột bobo Liên Xô cho đỡ hao...Bột nổi của Chết mùi khai khai như nước tiểu, cánh tay trần trụi, cuộn cuộn bấp thịt, làm cô bé hàng xóm ngán ngợ.

- Chùng nào có bánh, anh ?

- Sáng mai, cô bé.

- Giá bánh mà ...to như bắp tay của anh thì tuyệt.

...

Nụ cười rạng rỡ, mắt liếc có đuôi, cô bé đâu có biết, cá rán đang kê trước miệng mèo, cái thằng đang đứng trước ngã ba đường, tu dang dở, đứt khoát không xong, cứ lấp lửng con cá vàng...khổ mọi bề,khát khao mọi thứ, khổ cả trong lẫn ngoài...



Đây kỹ tám vải bố chờ bột nở, rút vội điều rít lấy rít để, thằng bạn kê lại hút ké...bập bập vài hơi rồi ho lên sù sù.

- Tốn thuốc.

- Thì cũng phải tập chứ.

- Nó cạo đầu cho bây giờ!

Thực tình, cô vợ thằng này hiền lắm, chi sợ nó học theo ông thầy, để hư???

- Tối giờ cân bột chưa?

- Mày biết về bột đâu mà hỏi, ha ha ha... Cái thằng khi, cười ngả nghiêng, cười chế nhạo kẻ tu hành chưa biết mùi đời.

- Muốn tập nghề hả?

Nhìn kỹ đi, hai bàn tay thật điệu nghệ, nó

cầm hai cục bột, vắn qua lăn lại trên bàn, chĩa cần nhìn, chỉ một loáng đã tròn vo, nó lại còn nhìn vợ cười nham nhở.

- Dân nhà tu đâu có rành chuyên này hả em? Tay nó khua khua trước ngực vợ nó!!

- Đồ nỡm, để người ta tu.

- Cám dỗ, cám dỗ! Tu là cõi phúc, tục là cõi tiên mà.

Quả thật, không phải dễ để về tròn mấy viên bột, lại không có kinh nghiệm tình trường, nó vĩa mồ hôi trong tiếng cười của vợ chồng đứa bạn.

Nhờ Trời, tiệm bánh vẫn có khách, công việc tuy vất vả, một phần để biết thêm nghề, phần khác để sống qua ngày, cũng không sợ chết thêm bánh mì, phần còn lại để che mắt nhân dân trong thời gian đợi chờ đến muôn trùng này.

Bánh đã đưa vào lò, mùi thơm loang khắp nơi, con buồn ngủ ập đến vội vàng, nó thu giọng xong là lăn quay ra ngủ ngon lành trên đồng bột mì. Vật vã trong mỗi mệt, thoang thoang đâu đây mùi hương nhẹ nhẹ của cô bé hàng xóm, nó chìm vào giấc ngủ miên man... vào ác mộng hãi hùng!

- Á.. á.. á..

Tiếng thét đau đớn trong đêm, khi gà còn chưa gáy sáng làm cô bé tái cả mặt, sững sờ, đứng như trời trồng, cô bé đã nhìn thấy một quái vật mà cả đời chưa bao giờ gặp...

- Á... những ổ bánh vung vãi khắp nơi, cô bé chạy vụt ra cửa còn hơn gặp phải ma...

Cái thằng phải gió, nó biết cô nàng luôn luôn xin bao bột, mượn có đựng bánh nóng hổi.

Nó cũng biết cô bé mê anh chàng chân trong chân ngoài này!



Lợi dụng anh chàng đang ngủ, há cả miệng, phì phò như ống bễ, «thằng bé» lại nhấp nha nhấp nhồm vô trật tự, nó lấy sợi dây bao bột mì, cột nhẹ vào «thằng bé», rồi lấy bao bột phủ nhẹ lên người...

- Cho em xin cái bao đựng, anh hai. Giọng nói ngọt như mía lùi, bố ai lại không thương!

- A, ờ, thằng khi hát hàm về phía đồng bột.

- Dạ...Cô bé nhẹ nhàng lấy cái bao...hoi vương đâu đây...giật giật mấy cái.

- Ái Ui!

- «Thằng bé» bị lôi khỏi tổ, cô nàng không để ý, thấy vương lại càng kéo!

Tội nghiệp cô bé, trước thảm cảnh ghê gớm này, ông anh dễ thương đang ngủ, nhảy chồm xuống, mặt nhăn như bị...thọt lên cổ, cô bé đứng chết trân, chiếc bao có sợi giây dài, nối liền với «cái gì» đang nhấp nhồm, giật giật mấy cái, «nó» cũng gật gù theo...

Bán sống bán chết chạy vụt ra cửa...ám ảnh suốt một đời, cái của thằng cu Tèo, đâu có ghê gớm như vậy!

Đáng đời! Mẹ đã dặn mãi: «Ăn có nơi, ngủ có chỗ», làm trai đâu có thể sống bệ rạc, cứ tưởng như thế là bình dân, đáng đời.

T. Đen, Bordeaux 15/08/2005

New Orleans, October 28, 2006

CLARION HERALD

Pastor serving as 'thank you' to Baton Rouge Diocese

By PETER FINNEY Jr.

LTS: Bài viết dưới đây được trích lại từ "Clarion Herald", số ra ngày 28 tháng 10 năm 2006 trang 3 và 4, do kí giả Peter Finney Jr. phỏng vấn và viết về cha Paul Nguyễn Văn Tùng. "Clarion Herald" là tờ báo và là cơ quan thông tin chính thức của địa phận New Orleans, Louisiana, Mỹ phát hành hàng tuần.

The morning deserved an over-sized postcard.

In the piney woods of Albany, La., about seven miles west of Hammond, the sun reflected off the white clapboard church of St. Margaret Queen of Scotland, built in 1910 by a small group of Hungarian Catholic lumberjacks and mill workers who were drawn to Louisiana in the late 19th century by the virgin forests of Livingston Parish. The setting was pastoral and serene, about as far removed from the turmoil and upheaval in Father Paul Van Tung Nguyen's life for the last 14 months as anything he can remember since he fled with his family from North to South Vietnam in 1954.

Father Nguyen, a Navy chaplain and former pastor of Prince of Peace parish in Chalmette, was at Camp Lejeune in North Carolina, on his way to Iraq for a six-month tour of duty, when Hurricane Katrina hit on Aug. 29, 2005, and swept away his parish.

He not only saw TV images of his church



FATHER PAUL Van Tung Nguyen was pastor of Prince of Peace Church in Chalmette, which was inundated by Hurricane Katrina at the same time he was headed to a six-month deployment to Iraq as a Navy chaplain. Father Nguyen has since returned to the U.S. and accepted a request by Archbishop Alfred C. Hughes to serve for two years as administrator of St. Margaret Queen of Scotland parish in Albany, La., in the Baton Rouge Diocese. The gesture is a "thank you" to the Baton Rouge Diocese for its help during Katrina. (Photo by Peter Finney Jr.)

and neighborhood submerged under 10 to 12 feet of water, but after getting to Iraq, he also had to handle the daily toll of deaths and casualties among the Marines assigned to Fallujah, a region embroiled in intense conflict.

"IT WAS tough," Father Nguyen said. "One day 10 Marines were killed and 11 were

wounded at one time. I've seen Marines wounded and their legs being blown off. I've seen Marines die a slow death because of head wounds, and the doctors and nurses couldn't do any-thing but pray for their last breath. It was quite tough."

His life for the last three months has been a study in contrasts. Under a pastoral arrangement between Archbishop Alfred Hughes and Baton Rouge Bishop Robert Muench, Father Nguyen is serving as administrator of St. Margaret Church for the next two years. Offering one of its priests to serve in the Baton Rouge Diocese is an expression of thanks by the Archdiocese of New Orleans for the support it was provided after Hurricane Katrina.

"When the archbishop left Baton Rouge to return to New Orleans, he asked Bishop Muench if he could do anything for him," Father Nguyen said. "He said he didn't need any money, but how about a couple of priests?"

In March Archbishop Hughes asked Father Nguyen, who in 1979 became the first Vietnamese priest ordained for the Archdiocese of New Orleans, to consider serving in the Baton Rouge Diocese. They discussed the idea when Father Nguyen returned to New Orleans for a visit in between another Naval chaplaincy assignment in Djibouti, a small country in Africa near the mouth of the Red Sea.

"I asked the archbishop to give me a couple of weeks to think it over as I left again for Africa," Father Nguyen said. "I thought it over and said, 'Well, the (Baton Rouge) diocese is in need and I am available. This must be the will of God to send me to Baton Rouge.' So I wrote a letter to the archbishop and said, 'I humbly accept your decision.'"

FATHER NGUYEN said he is enjoying his new, more serene role as pastor of a small church. St. Margaret has 750 registered-families and he celebrates three Masses each weekend, one at the St. Thomas Mission in

nearby Springfield. A few of his former Prince of Peace parishioners have relocated to the area and are attending Mass at St. Margaret. His new community has embraced him.

"I have a personal philosophy that any priest should try to make a family out of the parish he is assigned to," he said. "I thank God that the people have been very, very accepting of me. A couple of families have given me a standing invitation to stop by and have lunch with them any Sunday. This parish is very lively and strong and tra-ditional. I need a little quiet place after all of that pressure in Iraq. This is the right place for me."

Father Nguyen said his former Prince of Peace parishioners are still grieving over the loss of their Chalmette church. A group of about 70 gathers every three months at a northshore restaurant to stay in touch.

Father Nguyen lost most of his personal belongings, including an irreplaceable photograph of himself, as a 4-year-old, with his father in Vietnam. His father, Loc Van Nguyen, is 84 and still lives in the Mekong Delta along with Father Nguyen's brother and six sisters.

"That picture was very special because I found out later that if I wasn't with my father at that time, he would have been assassinated by the Viet Cong," Father Nguyen said. "I was riding a bicycle with him from village to village, and two VCs ambushed him. As they were about to fire the shot, one of them had second thoughts because he was with this little kid, and if he fired the shot, the kid might be shot, too, and they might be rebuked for what they were doing. They didn't shoot."

The Prince of Peace church, rectory and parish center have been gutted – "nothing is left but the skeletons" – and the possibility of the parish reopening someday is highly speculative.

"Other parishes probably would have to be restored before Prince of Peace, including

St. Louise de Marillac and St. Robert Bellarmine and St. Mark, because they had schools,” Father Nguyen said. “My parish would probably be the last, whatever that time would be.”

But there are signs of hope. During Hurricane Katrina, as Deacon Frank Rhodes and his wife Bernice clung to the roof of Prince of Peace Church, trapped by the storm surge, they saw a metal St. Vincent de Paul bin smash into a large marble statue of the Sacred Heart of Jesus in front of the church, knocking it off its pedestal.

The \$21,000 statue, carved in northern Italy, was part of a 2004 church beautification project. Several months after the storm, a military group in the area used a crane to lift the statue back on its pedestal, this time facing the church instead of the street. The statue was missing both hands, which were never found.

“Someone put a little sign on a string and draped it across the statue,” Father Nguyen said. “The sign said, ‘I have no hands but yours.’”

Peter Fenney Jr.



THIS MARBLE statue of the Sacred Heart of Jesus outside of Prince of Peace Church in Chalmette was toppled by Katrina and lost both hands. A sign on the back reads: “I have no hands but yours.” (Photo by Frank J. Methe)

TÀU CHƯƠNG KHAI PHÁ

Hoàng Quang

I.- CỐ HƯƠNG:

1.

Suốt một đời tôi mang nợ những chuyến đi,
Suốt một đời tôi mắc nợ “còn chút gì để nhớ”.
Để lần này thêm còn cào hơi thở,
Chuyến về thăm, mừng nhà Chúa khánh thành!...

2.

Mười giờ đêm, xe lăn bánh khởi hành,
Trạm Tân Việt – Trung Chánh, đón thật nhanh
bằng hữu!

Hai năm chỗ điểm danh chào!... tề tựu,
Về Long Xuyên khúc khuỷu, bánh xe tròn...
Qua An Lạc, giờ tay tạm biệt Sài Gòn,
Đêm quốc lộ đèn khuya chong mắt đỏ,
Long An - Tiền Giang – ngã ba Trung Lương
đỏ!

Chuyện ngày xưa man mác trở về nguồn...
Cai Lậy – Cái Bè – An Hữu dấu cô thôn
Queo Đồng Tháp xuôi tuôn phà Cao Lãnh.
Hương phù sa, phất sậy hoang lạnh lạnh,
Gió sông lùa lông lộng trách người thương!
Có phải vì ta biên biệt canh trường,
Hay vì em nhiều vấn vương kỷ niệm?!...
Mòn lối rêu xanh, vàng bông điên điển
Cho lòng ai sao xuyên băng khuâng...
Xe cứ bồng bênh và hồn cứ lằng lằng,
Trời mây nước dạ bích loang quảng thăm...
Tôi yêu Long Xuyên đại ngàn và say đắm,
Khối tình si hần đậm tuổi vào đời,
An Giang vỗ về một cõi rong chơi,
Ôm tiếc nuôi, cách xa Người ngày ấy!...

3.

Phành phạch máy dò, phà An Hoà thức dậy,
 Hai giờ rưỡi đêm, Long Xuyên vẫy reo mừng!
 Xe ngang chợ, mà lòng tôi rung rung
 Photo Diêu đầu, nơi từng chụp ảnh?...
 Ông già khâu sắng đan, có còn khoẻ mạnh?...
 Hơn bốn mươi năm, khéo chạnh xoay vần!!
 Tôi trở về chân đất lưng trần,
 Cùng mái tóc điểm phong vân lâm lũ...
 Anh em tôi trong chuyến xe cát bụi,
 Dắt mười phu nhân (mơ đấm đuối quê chồng!)
 Quê nội đây! nàng ơi, có hiểu không?!...
 Tháp nhà thờ Chánh Toà, bàn tay Mẹ hiền
 dâng
 Nâng Thánh Giá vút cao tầng trông cậy.
 Mái Thánh Đường gồm nhiều cánh tay giang
 đây
 Một mô hình kiến trúc máy ai khoe,
 Để bây giờ, anh kể lại em nghe!
 Nhấn nha tấu bài ca về Khai Phá.
 Chuyện cổ tích ngày nay rất lạ,
 Chúa quan phòng thoát hiểm hoạ nhưng
 không!...

4.

Xe bon bon rẽ Mỹ Hoà, Bằng Tằng,
 Kè sông Hậu thẳng đường sang núi Sập.
 Tuy không gặp những chợ sông tấp nập,
 Địa danh này áp ủ lấm tiềm năng.
 Ruộng rẫy phì nhiêu thẳng cánh cò giăng,
 Sông nước - phù sa - đồng bằng - hoà quyện...
 Dân địa phương hài hoà quyền luyến,
 Vui đón bậu về, lưu luyến tiễn bậu đi...
 Nên nở nào ai nói tiếng chia ly?!...
 Tôi lắng nghe tiếng thâm thì thực ảo,
 Cuộc sống đời thường và miếng cơm manh áo,
 Còn rất cần lời mách bảo con tim!
 Còn ở nơi này địa cứ của niềm tin,
 Bao Linh Mục chẵn giữ gìn dân Chúa...
 Roi rớt dăm bẩy tà thần giăng bủa,
 Những đam mê - ngu muội của phàm trần...
 Nhưng ở đây, tràn linh khí Thánh Thần!
 Nên cùng tác hoá thông phần thống khổ
 Ngày ấy chúng tôi những chàng trai bé nhỏ,
 Tân, Kiệt, Thống, Hiền, Khoa, Chinh, Dũng,

Chấn Hưng

Hơn một trăm tên mái chèo viện thân thương,
 Dàn tề nhánh cùng dọc đường gió cát!...
 Vẫn biết miền tây mùa màng bát ngát,
 Thợ gặt chộn rồi lại dạt ruộng xa.
 Con hoang đàng, có nhiều đũa quên Cha!
 Lưu lạc bốn phương, bốn ba thời cuộc...
 Miền man bồng nhòai người tôi phía trước
 Đến nơi rồi - xe thẳng gấp - Núi Sập kia!
 Ngó đồng hồ, bốn giờ sáng - trời khuya...

5.

Cụ Thượng Hiền - trên lầu chạy xuống cười
 toe
 (Quần chưa mặc, chỉ áo thun tà lòn!...)
 Tay bắt mặt mừng: “ ồ, đến nơi đến chốn,
 “ Vào đi! Vào đây! (ôi, hỗn độn câu chào...)
 “ Đông thế này làm sướng quá hồn tao! ” (Cụ
 Thượng nói)
 Đoàn chúng tôi bèn lao xao tìm chỗ
 Ai cũng mệt nhòai như cá rô kho tộ,
 Phụ nữ ưu tiên phòng nghỉ “đồ” lưng mềm.
 Thanh Bình xoe tròn mắt kiếng cười duyên
 Chị Vinh béo khéo dành riêng ghé xếp...
 Đực rựa oai hùng đứng vào một tốp,
 Leo cầu thang quần hạp ở bao lơn
 Thế là Tiểu, Nhâm, Nghiệp, Minh, Vương,
 Ngọc, Quý, Quang...
 Gây sòng tít cung thang, nhậu phê cánh nhọn
 Dầu bụi đường khả một hơi rũ cạn,
 Ngủ quái gì, trò sơ tán đông vui!...
 Điện thấp sáng mà trời vẫn tối thui,
 Gió lười quá ngủ vui chưa thức!
 Giữa mênh mông sao tiết trời hậm hực
 Nên muối thừa cơ thường trực trận càn
 Đến năm giờ, một bọn phi oang oang,
 Thì ra “Bách ù” cùng họ hàng Thủ Đức.
 Cánh khách mời đã cúng nhiều công sức,
 Rất nhiệt tình hết mực việc nhà chung...
 (Có gã Huy Đông - chuyên viên lặn - đi cùng!)
 Sòng lại phó hội, tai lũng bùng - rôm rả!...

6.

Tôi đứng ngắm một bình minh êm ả
 Nhà thờ khang trang nằm thong thả chân trời.
 Phía tây nam, núi Sập dáng mờ côi,

Bom mìn phá, núi hoà đôi khô sữa!...
 Rồi mai này và nghìn năm sau nữa
 Liệu có còn di tích thuở hồng hoang?!
 Tôi ngắm tháp chuông, đài Đức Mẹ dịu dàng,
 Trong thỉnh lặng xin cưu mang trăng chuỗi
 Lay Mẹ đoái thương từng chặng đường rong
 ruổi,
 Hãy gióng hồi chuông giục gọi bước con về!...
 Xa mùi cây số nữa là núi Ba Thê
 Phía bên phải ả chân quê Núi Tượng.
 Nơi đó bạn chúng tôi đang tìm hướng
 LMKP Khoa mong sao dân xứ nghèo được
 tương trợ mái tranh lành
 Mưa nắng hai mùa yên ổn chút mong manh!...

7.
 Nắng điểm tám giờ gọi chương trình khởi sắc
 Mọi chuẩn bị sắp đi vào lễ nhạc
 Khâu điều hành cao giọng bắt micro,
 Vọng với không gian hai tiếng: A-lô!
 Thánh Lễ Tạ Ôn đúng chín giờ khai mạc.
 Người về dự dần đông như cát
 Kiên Giang, Long Xuyên, Cái Sắn, Cần Thơ,
 Thủ Đức, Đồng Nai, Sài Gòn đã đủ chưa?
 Núi Sập địa phương về châu như mắc cửi...
 Không phải mùa thu sao xiêm vàng phấp phới
 Hơn năm mươi Cha đồng tế với Thầy
 Đức Cha Giuse Trần Xuân Tiếu: chính Ngài!
 Chủ lễ hội - Chúa giờ tay chúc phúc...
 Tôi đứng dựa cột đèn thờ chen chúc,
 Làm dấu tham gia cùng nghi thức khánh
 thành.
 Đầu tiên là nhà xứ: đẹp trong lành
 Rộng thoáng toả nét chân thành trông đợi.
 Cờ lồng gió đỉnh tháp chuông vẫy gọi
 Sát bên là đài Đức Mẹ Mân Côi.
 Dưới chân đài, hai lớp học nhỏ thôi
 Dạy giáo lý cho nước Trời rộng mở.
 Thánh Đường khang trang uy nghi nhà Chúa,
 Khiêm tốn nép mình thành cửa lễ dâng...
 Cha Hiền ơi, vì hai tiếng “xin vâng”
 Trong phó thác đã xây tầng mây ấm!!...

II.-CỐ TRI:

1.
 Về cố hương ngộ cố tri,
 Cố tri tròn mắt, cố lý còn đây!...
 Núi Sập tung bùng trong nắng lửa trưa nay,
 Tiệc liên hoan thênh thang khoáng đạt!
 Cụ Thượng Hiền “năm bờ oản, số dách”,
 Thoả thoát chỉ huy, sắp đặt vương tròn...
 Cánh chùng thâm yếu gió: đãi bia lon,
 Phần còn lại hưởng “quốc hồn quốc túy”.
 Chúng tôi hả hê cụng ba-xi-đê,
 Chót lưỡi cay cho ngọc thể nồng nàn!
 Thánh Lễ qua rồi động lại chút miên man
 Đại tu giáo đường cõi trần gian: có thể,
 Đại tu những công trình: cũng thể!
 Còn đại tu linh hồn - nào dễ người ơi?!...
 Có một điều trong Thánh Lễ đáng mừng vui,
 Hai mươi chín cháu được xúc dầu Thêm Sức!
 Bí Tích Thánh thân trao hi hoan cùng cực
 Nhà Chúa dâng trào đỉnh mức hoan ca.

2.
 Chúng tôi gặp lại nhau, tuổi bóng nghiêng tà,
 Xoá trọn vện nỗi cách xa tư lự!
 Chuyện “mày-tao” ào ào con sóng vỗ,
 Điểm danh trào lệ đổ rung rung...
 Bất ổn, bất an giữa cuộc sống không ngừng
 Cái nghèo lo chi, chỉ thương cái bệnh.
 Nhớ hay quan tâm, âm thầm hay lơ đễnh,
 Tiếc xót, ngậm ngùi “cái mắt” chia xa,
 Cố tri “oà” cùng trời đất bao la!!...

3.
 Mãn cụng ly thực là sinh động,
 Chúng nó khích nhau từng phần ly rỗng...
 Rồi khè ra mặt hồng bóng bùng bùng!!
 Chuyện xa-gần, cũ-mới, giận- hờn- thương,
 Nói toang toác như chưa từng được nói.
 Đưa bắt chặt tay, đưa hôn nhau túi bụi
 Thầy cũ – trò xưa, về chung lối hội kỳ
 Thú vị vỡ bờ thành khoảnh khắc lâm ly
 (Tôi xếp bút, quăng nạng đi...chơi xả láng!...)

4.

Trùm Nhâm lúc này đã đến hồi...thí mạng,
 Mắt lò to, phạng ngôn ngữ nhất gừng!
 Giáo Tiểu đầu có thua, “chiêu” sáu “cối”
 phùng phùng...
 Cụng chí chát, cuộc tương phùng thảm khốc!!
 Bô bô miệng là Luyến say – Châu Đốc,
 Độc mã đơn phương đột phá khung thành
 Thu tép lù dù mà đỡ đạn khá nhanh
 Hiếu Dũng mồm to cũng đành thúc thủ...
 Nặng đở mặt cụng chén anh chén chú,
 Trần Đăng ù lì điếm danh đủ cánh miền Tây...
 Có ai ngờ giữa hoan lạc hôm nay
 Khai Phá gặp lại ba tay...chầy chuộc hướng,
 Mây gã Cái Đồi: Ân - Nấm - Hùng, ngất
 ngưỡng!
 Bền lễn về nguồn những tưởng lạc đường xa
 Lại chen vai tương đắc, “ức” bao la
 Nhiều, nhiều nữa, giải ngân hà kỷ niệm!!...
 Quán quýt nơi này bằng hữu tôi hiện diện,
 Sáng lung linh khuôn mạo điếm môi cười...

5.

Mười hai giờ, đứng bóng mặt trời,
 Đồ Nghiệp đụng cô nhân, một thời để nhớ
 Cha Mai tiếp trò xưa cõi mở
 Có ở đâu như nớ, bây chừ?!
 Thế là khui bật nắp “ích-ô”!
 Tiếng hò reo vang dậy “dzô! Dzô!”
 “Tuý ngoạ sa trường”, Nghiệp ta chờ...tắc
 tử!...
 Bỗng hiệu lệnh của Trùm Nhâm phát hỏa:
 “-Tạ ơn nào, còn đáo chỗ Cha Khoa!”

6.

Chào nhà thờ núi Sập vọng tiếng chia xa
 Hẹn gặp lại Cụ Thượng Hiền chan hoà nhân
 bản
 Kênh F, kênh G, Ba Thê trải nhiều thương
 cảm,
 Núi Tượng - xứ voi đầm ấm đây rồi!
 Nhưng đoàn ta phải thốt tiếng: trời ơi!
 Cái bảng cấm “3T” cấm khơi khơi trước ngõ
 Đường vào xứ, còn hơn cây số nữa,
 Tài xế chào thua, than thở ích gì?!...
 Nhưng có đường ắt có cách đi

Hai người một xe ôm, chơi lì...bạt mạng!
 Vốn thân què, tôi lừng khùng cây nạng
 Bồng một chiếc wave thẳng gấp, chắn ngang
 người
 Gã may ô trắng gã xe ôm toét miệng cười tươi
 Thì ra Cha Khoa đã nghe phôn, chạy ra chở tôi
 và cô Chiến!...
 Mọi việc đều xuôi tràn niềm vui trò chuyện
 Lại quây quần thương mến đến ngây ngây
 Đậm chân tình và cháy bỏng men say...
 Cha Khoa đáng gầy mà tràn đầy năng động,
 Nhà xứ - vườn cây - vườn trẻ trào sức sống!
 Mỹ thuật không gian, uy vũ công giáo đường
 Chúa chọn không làm khi trao gởi tình thương
 (Chợt hiểu vì sao Ngài mở đường cho Khai
 Phá!)
 Dù muôn nẻo nghìn trùng đất lạ,
 Ôn Thánh Linh biến cải hoá đất lành!
 Chúc tụng muôn đời Thiên Chúa được vinh
 danh...
 Cho Khai Phá được Thánh Thần sai bảo.

7.

Chúng tôi thường thức vị ngọt ngào huyền ảo,
 Hương xoài thơm và “của gia bảo” từ nhà bếp
 bung ra!
 Còn gì nữa không trong tủ lạnh cha Khoa?
 Dễ chịu thất thương là “Khai phá bà bà” tíu tí!
 Dường như đang ở nhà các nàng dâu xúm xít,
 Người gọt xoài người khúc khích khen ngon,
 Khai phá con thì mặc sức lon ton.
 Thời gian rộn ràng giữa không gian rất thật,
 Điệp khúc tình yêu thơm chất ngát nụ hôn!...

III. CỐ TỔ

1.

Rồi lại lên đường đoạn: “Đỗ Lễ - Sang ngang”
 “Comeeback Soriento” - Về viếng thăm “Cố
 Tổ”
 Là cố toà: Michael Nguyễn Khắc Ngữ,
 Toà mới bây giờ đẹp, chạm trở hào quang!...
 Gập “Đức tư Tân” mừng quá đổi hân hoan,
 Trà kẹo...đãi, ngập tràn hưng phấn!
 Nhiếp ảnh Quý, photo Minh thật bận,

Flash loé ngời, cần thận nâng niu
 Những pô hình như chớp đạn tình yêu
 Xuyên tâm mắt, ba chiều kỷ niệm
 Flash bằng hữu, những ngày xưa tìm kiếm,
 Flash phu nhân thêm kiêu diễm thư phòng
 Hồn con người đan quyện thoáng trời trong!...

2.

Toà Giám Mục bên giòng sông trầm mặc
 Hải hòa thiên nhiên, lằng quàng mây man mác,
 Soi bóng cùng ánh mắt của thời gian,
 Soi tâm hồn đời tu sĩ bình an
 Rồi toả sáng đường gian nan truyền giáo!...
 Cuộc hành trình nào chỉ đâu màu áo,
 Đưa dân lên đời Đức Ky-tô bài giảng đạo đầu tiên

“Tám mối phúc thật” - bắt tử lưu truyền
 Cho thân phận dân nghèo xuôi miền hạnh phúc,

Chính vì thế, nơi đây toà Giám Mục
 Phía kế bên, nhà hun đúc chủng sinh
 Chúng tôi về đây thư thuở nguyên trinh,
 Được giáo huấn, tấm chân tình ơn gọi
 Để muôn đời được coi là con cái
 Khai Phá đặt tên từ mái chũng viện Long Xuyên
 Có tổ là thánh địa thiêng liêng!...

3.

Đưa trùm Nhâm lá thư cảm ơn lần hai, toà GM. gửi

Cha Tân mỉm nụ cười phơi phới
 Dẫn anh em chúng tôi đến trình diện chánh toà,
 Đức Giuse Tiếu ân cần như trời đất thặng hoa...
 Không phòng khách vẫn chan hoà thăm thiết
 Hành lang vắng dài nằm yên thêm thiết
 Ngài cùng “lũ trò xưa” lưu niệm mấy pô hình,
 Hai giờ trưa nắng xuyên chòm phượng vĩ lung linh...
 Có những lời trần tình vô ngữ
 Cuộc sống vốn vô tri bất mộ
 Hải ngoại hướng về tình Khai Phá chữ “tâm đồng”
 Thánh nữ Têrêxa

Chẳng đã mưa nghìn triệu đoá hồng?!..

4.

Chút yên tĩnh của bông bình cảm xúc
 Cuộc viếng thăm tràn ơn lành chúc phúc.
 Tạm biệt “lâu thom”, chúng tôi xuống đất đây!...

Một cõi đơn sơ, một tấm thân gầy,
 Đoàn ghé thăm “đấng lão Thầy” yêu quý!
 Đức J.B. Bùi Tuần, vị tiền hô thế kỷ,
 Dẫn chiều buông, lời toản mỹ vẫn vọng vang...
 Ưu ái tiếp đoàn con bằng chia sẻ dịu dàng
 Ngài cân nhắc chặng đường trang lịch sử
 Soi sáng đức tin trước hoang mang thời sự
 Kính Chúa yêu người phải cư xử ra sao?
 Để con đường Ky-tô hữu đáng tự hào!...

5.

Âm giọng trầm đều và ngọt ngào như thể...
 (Đồ Nghiệp ngồi bên “mát xa” Ngài khe khẽ)
 Các “vêrônica” chăm chú về...trầm ngâm!...
 Trùm Nhâm nháy vợ KP Phạm Tâm
 Đại diện cánh con cháu, tỏ bày cảm nghĩ,
 Ứng hồng mặt, nàng “Si” bèn thỏ thẻ:
 “Kính chúc Đức cha mạnh mẽ...Thánh thần
 Bó chông cười: “con nhà giáo phải không?”
 Sung sướng đáp thừa rằng: vâng ạ!...

IV. ĐỂ KẾT

Thế là trọn vẹn với niềm vui Khai Phá,
 Hăm bốn giờ tắt tả, vẫn tỉnh queo
 Đường về Long Xuyên nào có cheo leo
 Nhưng “Vượt suối lội đèo” bao tâm sự!
 Chúng tôi về phận lạc loài tứ xứ
 Thăm lại cố hương thức tỉnh sửa đời mình!
 Cuộc hành hương đong nặng nghĩa ân tình,
 Lặn lội trời khuya đón bình minh tỏ ấm.
 Những khuôn mặt xưa và nay hân đậm,
 Dẫn thời gian thăm thẳm đường dài,
 Dẫn mực nhòe và tóc gió thổi bay.
 Tôi vẫn gửi tặng ngày mai Khai phá!...

HOÀNG QUANG
 (26-27/04/2006)

ĐÔI DÒNG CHIA SẺ

XUÂN THU – NGỌC THÙY

LỜI NGỎ

Cách đây 26 năm, trên đỉnh núi Tượng, đôi vợ chồng trẻ mới cưới đã cùng một số anh chị em trong gia đình Khai Phá cất lên tiếng hát : “Đến muôn đời con cảm tạ ơn Chúa ...” Trong bối cảnh khổ đau và tuyệt vọng cho cuộc đời đang đi tới, nhưng với lòng trông cậy vào Thiên Chúa cùng với sự thương yêu kính trọng dành cho nhau và tình bạn bè cao cả đã giúp chúng tôi: Một gia đình nhỏ, trải qua quãng đường đời đầy gian khổ được luôn đứng vững . Để rồi 26 năm sau, chúng tôi lại hát lên bài ca cảm tạ Chúa cùng với tất cả các thành viên trong đại gia đình Khai Phá khắp nơi.

Xin cảm ơn những tình cảm ưu ái của những người bạn Khai Phá dành cho gia đình: Xuân Thu – Ngọc Thùy. Với tâm tình chia sẻ đơn sơ này, xin gửi đến các Mãng Khai Phá đã hoặc sắp bước vào cuộc sống lứa đôi nhận thấy rằng: Hạnh Phúc luôn nằm trong tầm tay của mỗi người chúng ta, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc đời. Sự yêu thương và nâng đỡ nhau trong những lúc khổ đau mới chính là Tình Yêu đích thực.

HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Từ thuở xa xưa, khi con người có mặt trên trái đất, cũng là lúc hình thành những tổ ấm riêng lẻ. Thời con người còn ăn lông ở lỗ, tổ ấm là hang động, là tàn cây hay di động rày đây mai đó. Dù bất cứ trong hoàn cảnh nào, tổ ấm luôn là nơi: “Khởi Đầu” cũng như “Điểm đến cuối cùng” của đời người. Nơi đây , trong quá trình sống kiếp con người , đã hình thành một xã hội nhỏ bé , có đủ : Hi, nộ, ái, ố,.. Và đó chính là gia đình ta đang sống.



Đời sống con người có được hạnh phúc hay bất hạnh , là Thiên Đàng , hay Hỏa ngục , những ranh giới rất gần nhau , đều tùy thuộc vào sự hiểu biết và sự nỗ lực kiến tạo của những người trong cuộc.

Xin được chia sẻ một vài suy nghĩ cùng với những trải nghiệm qua một phần tư thế kỷ sống cuộc sống hôn nhân với những ai đang sắp sửa bước vào bậc sống gia đình .



Ân tình Khai Phá: Thùy– Hải đến thăm mẹ của Vũ Thái.

Trong cuộc sống hôn nhân , đôi nam nữ cùng nhau nhìn về một hướng , họ yêu thương nhau , hiểu nhau và đều cảm thấy không thể thiếu nhau . Vì yêu thương nhau , họ sẵn sàng chấp nhận những trái ngang để được ở gần nhau , sẵn sàng bỏ qua lỗi lầm của nhau , nhẹ nhàng chỉ bảo lẫn nhau hoặc nhìn nhau với ánh mắt trách yêu . Hãy nắm bắt cơ hội này ngay từ “cái thửa ban đầu lưu luyện ấy” để từ ngày này

sang ngày khác, tay trong tay, họ quên hết những lỗi lầm, chịu đựng những tính xấu của nhau và coi đó như là những hương vị “cay the” của tình yêu.

HÒA NHẬP

Khi hai người xa lạ yêu nhau, tất nhiên họ hàng đôi bên đều xa lạ. Họ không gần gũi ta, nên chẳng hiểu ta, chẳng may may động lòng thương xót. Ta phải làm sao đây. Buồn và trách cứ họ chẳng? Đừng. Vì chính ta cũng vậy. Hãy đến với họ với tất cả tấm lòng. Đối xử với họ thật tốt, dựa trên mối tương quan “tình người”. Đừng ai vỗ ngực tự hào rằng: “Tôi thương cha mẹ chồng, hoặc vợ, cũng như con dâu, con rể như cha mẹ ruột hoặc con tôi vậy”. Có chăng chỉ là lời xã giao “điều nghệ” làm vui lòng những thành viên mới. Nhưng không vì thế mà chúng ta coi thường và xúc phạm lẫn nhau. Hãy kính trọng những kẻ trên, người dưới, thương yêu chăm sóc lẫn nhau như chính bản thân mình vậy. Hãy cho đi, để được nhận lại. Tôi lên án nặng nề những ai ruồng rẫy, coi thường các đấng bậc sinh thành, cho dù nhiều khi các Ngài chẳng thương yêu mình vì mình đã không làm theo đúng như ý các Ngài. Có thể không thích tôi, vì các Ngài không hiểu tôi. Đã vậy tôi còn lấy đi “báu vật” của các Ngài; chính là đứa con trai mà các Ngài đã mang nặng đẻ đau, nuôi dưỡng cực khổ trăm bề, từ thuở lọt lòng cho tới khi trưởng thành. Thử hỏi ai mà không thấy hụt hẫng, mất mát? Vậy phải làm thế nào để các Ngài hiểu và thương mình đây? Có khó lắm không? Không! Ngàn lần không! Nếu biết hài hòa trong tình cảm vợ chồng và tình yêu gia tộc, ta sẽ làm cho các ngài hạnh phúc. Chẳng những các ngài cảm thấy không bị mất con, mà còn được con đem về “kẻ” cũng yêu mình lắm chứ! Vậy thì sao ruồng rẫy nó được! Nhờ nó mà con mình được chăm sóc tận tình, chu đáo, có khi còn hơn cả mình nữa. Thôi, mình cũng phải cảm ơn bạn đời nó mới được!



‘Kangaroo’ và ‘Wallaby’ trên đỉnh Sapa.

GƯƠNG SÁNG

Thuở ấu thơ, khi vừa mới biết đọc biết viết, tôi thường được mẹ nhờ đọc lại thư mẹ gửi cho bố nơi phương xa. Mẹ tôi cũng như nhiều bà mẹ khác, không được cấp sách tới trường, chỉ học lóm a,b,c... qua các thầy giáo già ở làng. Nhờ vậy mới có ngày mẹ gò lưng uốn tay viết thư cho bố. Câu đầu tiên nhập thư, lúc nào cũng có câu: “Anh thương yêu”! ... Tôi đọc như vẹt, chẳng hiểu gì, chỉ biết bố là “anh” của mình. Lớn lên, tôi mới hiểu thế nào là tình yêu và sự tôn trọng của bố mẹ dành cho nhau. Cho đến một ngày tôi thì thâm bèn tai mẹ: “Mẹ ơi! Mai một con cũng muốn có “anh”, để thương yêu như bố mẹ vậy”. Một ý nghĩ thật ngây ngô! Vì tôi là con gái lớn chỉ có em, mà không có anh. Khi lớn lên, lập gia đình, nhớ lại những từ đã nghe được từ bố mẹ trao đổi nhau hằng ngày trong quá khứ, tôi mới cảm nghiệm được sự nhiệm mầu và hạnh phúc của chúng. Chỉ khác là thay vì viết trên giấy, tôi đã thực hành ngay chính trong cuộc sống gia đình hằng ngày với người bạn đời của tôi dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào: đắng cay, vui buồn, hay gian khó.